



## HỖ TRỢ ANH EM: BỘ AN NINH QUỐC GIA ĐÔNG ĐỨC VÀ VIỆT NAM DCCH TRONG CHIẾN TRANH VIỆT NAM

**Nguồn:** Martin Grossheim, "Fraternal Support: The East German 'Stasi' and the Democratic Republic of Vietnam during the Vietnam War", *Cold War International History Project Working Paper #71*, September 2014.

**Biên dịch & Hiệu đính:** Nguyễn Huy Hoàng

### Giới thiệu

Trong thế giới thời kỳ hậu Thế Chiến II, nhiều mối liên kết mới được thiết lập giữa cái gọi là "Thế giới thứ hai" và "các nước phương Nam." Tài liệu này nghiên cứu vai trò của Cộng hòa Dân chủ Đức, hay Đông Đức, như là thành viên thứ cấp của phe xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển của chủ nghĩa xã hội nhà nước và hiện đại hóa nhà nước tại Việt Nam. Bài viết phân tích những mối liên hệ được tạo nên giữa cơ quan mật vụ của một nước nhỏ trong Chiến tranh Lạnh, Đông Đức, và cơ quan tình báo mới được thành lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa (Việt Nam DCCH) thời kỳ hậu thuộc địa. Tổng quát hơn, bài viết nhấn mạnh vai trò của các nước ngoại vi và chứng minh tầm quan trọng của những nước vừa và nhỏ trong lịch sử Chiến tranh Lạnh.<sup>1</sup>

Bên cạnh đó, bài viết này là một đóng góp cho lịch sử tình báo. Năm 1984, nhà sử học người Anh Christopher Andrew đã than phiền rằng tình báo là một khía cạnh còn thiếu trong sử sách.<sup>2</sup> Kể từ đó, "nghiên cứu tình báo" đã nở rộ và "cung cấp những hiểu biết mới và thú vị về chiến tranh, xã hội, tư tưởng, thể chế, và

<sup>1</sup> Tony Smith, "New Bottles for New Wine: A Pericentric Framework for the Study of the Cold War," *Diplomatic History* 24, no. 4 (Fall 2000): 567-591.

<sup>2</sup> Christopher Andrew and David Dilks, eds., *The Missing Dimension: Governments and Intelligence Communities in the Twentieth Century* (London: Macmillan, 1984), 1.

thậm chí là văn hóa và tư duy.”<sup>3</sup> Tuy nhiên, hầu hết những nghiên cứu này có xu hướng tập trung vào thế giới phương Tây, và các quốc gia-dân tộc hậu thuộc địa thường không được tính đến.<sup>4</sup> Nhưng các tổ chức và cơ quan tình báo cũng quan trọng đối với sự phát triển chính trị và xã hội trong các nước phương Nam như chúng đã từng ở phương Tây. Trong nghiên cứu đầu tiên của mình về vai trò của tình báo ở Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Christopher Goscha đã chứng minh “cơ quan an ninh và tình báo Việt Nam đã tham gia sâu vào việc xây dựng, bảo vệ và mở rộng nhà nước, lực lượng vũ trang, và quyền lực cộng sản của Việt Nam” như thế nào.<sup>5</sup> Mục đích của tôi trong bài viết này là xây dựng dựa trên nghiên cứu tiên phong của Goscha bằng cách tập trung vào vai trò của bộ máy an ninh Bắc Việt sau năm 1953 và mối quan hệ của nó với Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức. Dù bộ máy an ninh Việt Nam đã bắt đầu hình thành trước năm 1953 và dựa trên mô hình của Pháp (Sûreté), Anh (MI6), Nhật Bản, và Trung Quốc, bài viết này chỉ tập trung vào giai đoạn thứ hai, bắt đầu từ năm 1953 với việc thành lập một bộ chính thức.

Tôi sử dụng các hồ sơ của Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức trước đây, thường được gọi là "Stasi," lịch sử chính thức của Bộ Công an Việt Nam, và các bài báo được viết bởi các cán bộ đã nghỉ hưu của bộ máy an ninh Việt Nam. Trong những tháng hỗn loạn sau sự sụp đổ của bức tường Berlin vào tháng 11 năm 1989, hầu hết các hồ sơ của Cục X thuộc Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức, cơ quan phụ trách quan hệ quốc tế với các nước xã hội chủ nghĩa khác, bị phá hủy, nhưng may mắn thay rất nhiều tài liệu về mối quan hệ giữa cơ quan an ninh Đông Đức và Việt Nam lại "sống sót." Những hồ sơ này đến nay vẫn chưa được sử dụng, mặc dù chúng không chỉ cung cấp thông tin về một chương lịch sử Chiến tranh Lạnh bị lãng quên, sự hợp tác giữa Stasi Đông Đức và Bộ Công an Việt Nam, mà còn đưa ra một cái nhìn sâu hơn vào các hoạt động nội bộ của bộ máy an ninh Việt Nam.<sup>6</sup>

---

<sup>3</sup> Christopher E. Goscha, "Intelligence in a Time of Decolonization: The Case of the Democratic Republic of Vietnam at War (1945-1950)," *Intelligence and National Security* 22, no. 1 (February 2007): 100.

<sup>4</sup> Goscha, "Intelligence in a Time of Decolonization." See also Richard J. Aldrich, Introduction, in: same, Gary D. Rawnsley and Ming-Yeh T. Rawnsley, eds., *The Clandestine Cold War in Asia, 1945-1965: Western Intelligence, Propaganda and Special Operations* (Portland, OR: Frank Cass, 2000), 1.

Về một nghiên cứu mới về bộ máy an ninh ở Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, xem Guo Xuezhong, *China's Security State: Philosophy, Evolution, and Politics* (Cambridge: Cambridge University Press, 2012). Về nghiên cứu đầu tiên về tình báo quốc gia "ngoài văn hóa quyền tiếng Anh," xem Philip H. J. Davies and Kristian C. Gustafson, eds., *Intelligence Elsewhere: Spies and Espionage Outside the Anglosphere* (Washington, DC: Georgetown University Press, 2013).

<sup>5</sup> Goscha, "Intelligence in a Time of Decolonization," 104.

<sup>6</sup> Ngoại lệ duy nhất là trong cuộc thảo luận trong Kristie Macrakis, *Seduced by Secrets: Inside the Stasi's Spy-Tech World* (Cambridge: Cambridge University Press, 2008).

Đến tận gần đây, lịch sử chính thức của Bộ Công An bằng tiếng Việt vẫn được phân loại là "tối mật" và "lưu hành nội bộ." May mắn là điều này đã thay đổi, nhưng tất nhiên phải cẩn thận khi sử dụng các ấn phẩm đã trở nên sẵn có bởi họ đưa ra một phiên bản lịch sử của các cơ quan an ninh Việt Nam bị chỉnh sửa rất nhiều và mang tính định hướng. Tuy nhiên, chúng chứa thông tin quý giá và rất chi tiết về nền tảng tư tưởng của Bộ Công an Việt Nam và những thay đổi về thể chế sau những năm 1950. Kết hợp với những bài viết của các cán bộ an ninh Việt Nam đã nghỉ hưu, những người luôn tự hào kể lại những thành công của họ trong cuộc đấu tranh chống lại cái gọi là kẻ thù nội bộ và bên ngoài, những ấn phẩm chính thức này cho phép chúng ta đưa thông tin từ các hồ sơ của Stasi Đông Đức vào bối cảnh rộng lớn hơn của sự phát triển của bộ máy an ninh Việt Nam.

## **Tình hình an ninh Bắc Việt những năm 1950 và cuộc đấu tranh chống lại “kẻ thù”**

Năm 1949, trong một cuộc họp của tổ chức Liên Việt, Lê Đức Thọ, người sau này là chính trị gia quyền lực thứ hai ở Bắc Việt bên cạnh Lê Duẩn, đã phản ứng lại những lời chỉ trích của một số thành viên phi cộng sản của tổ chức mặt trận này bằng cách đưa ra một tuyên bố đã trở thành nguyên lý cơ bản của lực lượng cộng sản ở Việt Nam và các cơ quan an ninh của họ cho đến tận ngày nay: "Chống lại chủ nghĩa cộng sản là chống lại cuộc kháng chiến và phản bội Tổ quốc."<sup>7</sup> Khái niệm "Việt Gian" được áp dụng cho tất cả những người Việt Nam nào không ủng hộ tuyên bố độc quyền lãnh đạo của cộng sản Việt Nam hoặc bị tình nghi do tầng lớp xuất thân của họ hay do có mối liên hệ với các lực lượng phi cộng sản.

Sau khi đánh bại Pháp trong trận Điện Biên Phủ tháng 5 năm 1954, quân đội Việt Minh chiến thắng trở về Hà Nội và chính thức nắm quyền kiểm soát miền Bắc đất nước. Tuy nhiên, chiến thắng vẫn chưa trọn vẹn bởi Việt Nam đã bị chia cắt tạm thời ở vĩ tuyến 17: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở phía Bắc dưới sự lãnh đạo của chính phủ Hồ Chí Minh và Đảng Lao động Việt Nam, và Việt Nam Cộng hòa ở phía Nam với Tổng thống Ngô Đình Diệm, sớm được dựng nên như một bức tường chống lại chủ nghĩa cộng sản được Hoa Kỳ hậu thuẫn.

Các nhà lãnh đạo ở miền Bắc tập trung đầu tiên vào tái thiết đất nước và củng cố sự kiểm soát của họ. Bộ Công an đóng vai trò quan trọng trong quá trình này và trở thành một công cụ mạnh mẽ để kiểm soát xã hội và củng cố nhà nước.

---

<sup>7</sup> Trích trong Christopher E. Goscha, *Vietnam. Un État né de la Guerre, 1945-1954* (Paris: Armand Colin, 2012), 88.

Điều này thể hiện rõ trong sắc lệnh chính thức thành lập Bộ năm 1953.<sup>8</sup> Theo sắc lệnh này, nhiệm vụ đầu tiên của Bộ là "Chống gián điệp, phản động ở trong nước để bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân, bảo vệ quân đội nhân dân, [và] bảo vệ kinh tế quốc dân; bảo vệ biên giới, [và] chống đặc vụ và gián điệp quốc tế."<sup>9</sup>

Giữa những năm 1950, các lãnh đạo tại Hà Nội phải đối mặt với hai cuộc khủng hoảng lớn: thứ nhất, họ phải đối phó với *Nhân Văn Giai Phẩm*, một phong trào phản kháng chính trị do những trí thức dẫn đầu; và thứ hai, họ phải ổn định một vùng nông thôn đã rơi vào hỗn loạn hoàn toàn sau chiến dịch cải cách ruộng đất thất bại. Đảng Lao động Việt Nam đã vượt qua được các cuộc khủng hoảng này, nhưng cả hai sự cố cho thấy Đảng vẫn chưa hoàn toàn kiểm soát được đất nước. Do đó, chính phủ Bắc Việt đã tiến hành những bước tiếp theo để mở rộng và hiện đại hóa lực lượng cảnh sát của mình, và từ giữa những năm 1950, Ủy ban An ninh Quốc gia của Liên Xô (KGB) bắt đầu cung cấp hỗ trợ cho Bộ Công An Bắc Việt.<sup>10</sup>

Năm 1960, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Cộng sản Việt Nam, Lê Duẩn chính thức được bầu làm Bí thư thứ nhất của Đảng Lao động Việt Nam, và từ đó, cùng với các thành viên Bộ Chính trị, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, và Nguyễn Chí Thanh, ông tiếp tục thúc đẩy một chiến lược quân sự tại miền Nam Việt Nam và chính trị trong nước ở miền Bắc Việt Nam. Đầu tiên chiến lược này kết hợp chính trị và đấu tranh quân sự, nhưng dần dần tập trung vào cuộc đấu tranh quân sự sau khi Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập năm 1960.

Đồng thời, phe Lê Duẩn-Lê Đức Thọ quyết định đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế Bắc Việt vốn đã được triển khai từ cuối những năm 1950 thông qua các chiến dịch tập thể hóa. Để củng cố quyền lực và đảm bảo phương pháp tích cực mới này được tiến hành, Lê Duẩn ngày càng dựa nhiều vào bộ máy an ninh

---

<sup>8</sup> "Sắc Lệnh của Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, số 141/SL ngày 16 tháng 2 năm 1953" ("Decree of the President of the Democratic Republic of Vietnam, no. 141, 16 Febr. 1953"), <[http://moj.gov.vn/vbpcq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View\\_Detail.aspx?ItemID=1129](http://moj.gov.vn/vbpcq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=1129)> (truy cập vào February 12, 2014).

<sup>9</sup> Như trên. Về sự bắt đầu của cơ quan an ninh Bắc Việt và khái niệm "kẻ thù," xem bài viết của François Guillemot, "De l'invention et de l'usage de 'l'ennemi intérieur': Vraie et fausse contre-révolution au Nord-Vietnam 1945-1967" ("The Invention and Use of the 'Enemy Within': True and False Counterrevolution in North Vietnam, 1945-1967"), *Communisme 2013. Vietnam de l'insurrection à la dictature, 1920-2012*, 259-302.

<sup>10</sup> Nguyễn Thanh et al., eds., *Những Ký Niệm Sâu Sắc Về Bộ Trưởng Trần Quốc Hoàn* (Profound Memories of Minister Tran Quoc Hoan) (Hà Nội: NXB Công An Nhân Dân, 2004), 290-291.

và Bộ trưởng Bộ Công an, Trần Quốc Hoàn.<sup>11</sup> Trần Quốc Hoàn, Bộ trưởng Bộ Công an đầu tiên của miền Bắc Việt Nam, là người lính trên tiền tuyến chịu trách nhiệm việc khẳng định quyền kiểm soát của đảng đối với chính quyền Việt Nam và nhằm mục tiêu tới bất kỳ kẻ thù nội bộ cũng như bên ngoài nào. Từ những năm đầu 1960, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị định mở rộng vai trò của Bộ Công an, cho phép nó trở thành một "công cụ của chế độ chuyên chính tuyệt đối trung thành với Đảng" và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống phản cách mạng. Ví dụ, trong tháng 6 năm 1961, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam DCCCH đã ban hành Nghị quyết số 49 về việc giáo dục cải tạo những người bị xem là nguy hại cho xã hội.<sup>12</sup>

Một nghị quyết bổ sung từ tháng 1 năm 1962 liệt kê nhiều nhóm "phần tử" khác nhau được phân loại là phản cách mạng, bao gồm "gián điệp miền Nam Việt Nam, người Công Giáo phản động, các phần tử từng phục vụ Pháp hoặc từng là các thành viên của các tổ chức phản động, phần tử phản động ngoan cố không chịu cải tạo trong các giai cấp bóc lột cũ, và tất cả các phần tử thù địch, phản cách mạng khác." Nghị định còn quy định rằng đến năm 1963, tất cả các cơ quan lãnh đạo, các nhà máy quan trọng, và các tổ chức vũ trang phải loại bỏ hoàn toàn các "phần tử" này. Trong điều kiện cụ thể, các phần tử tình nghi phải được điều chuyển đến những nơi khác "không quan trọng" (có nghĩa là những vùng xa xôi), trong khi những ai chưa được điều chuyển phải bị theo dõi chặt chẽ và không được cung cấp bí mật nhà nước. Mục tiêu tổng thể của các biện pháp này về cơ bản là quét sạch bất kỳ lực lượng phản cách mạng có thật hay tưởng tượng nào ra khỏi miền Bắc.<sup>13</sup>

Để khai thác các phương tiện thể chế nhằm thực hiện chiến dịch làm sạch rộng lớn này, các nhà lãnh đạo ở Hà Nội quyết định mở rộng Bộ Công an và trao cho nó toàn quyền giám sát an ninh nội bộ của Việt Nam DCCCH và tiến hành chống lại tất cả các nghi phạm phản cách mạng. Bộ Công an được lệnh tiếp tục thành lập

<sup>11</sup> Về lí lịch ngắn của Trần Quốc Hoàn, xem Liên-Hằng T. Nguyễn. *Hanoi's War: An International History of the War for Peace in Vietnam* (Chapel Hill: University of North Carolina Press, 2012), 55-56.

<sup>12</sup> "Nghị quyết số 49 NQ/TVQH về việc quy định việc tập trung giáo dục cải tạo có thời hạn đối với các phần tử phản cách mạng ngoan cố và lưu manh chuyên nghiệp" ("Resolution No. 49 on Regulating the Temporary Reeducation of Obstinate Counterrevolutionary Elements and Professional Hooligans"), <[http://www.na.gov.vn/Sach\\_QH/VKQHTap2/Nam%201961/UBTVQH1961\\_12.htm](http://www.na.gov.vn/Sach_QH/VKQHTap2/Nam%201961/UBTVQH1961_12.htm)> (accessed April 24, 2014). Xem Bộ Công An. Tổng cục Xây dựng Lực lượng. Cục Công Tác Chính Trị (Ministry of Public Security. General Department of Building up the Forces. Political Department), *65 năm Công an Nhân dân Việt Nam. Xây dựng, chiến đấu và trưởng thành (Sơ thảo)* (People's Public Security of Vietnam: Building, Fighting, Growing Up) (Hà Nội: Công An Nhân Dân, 2010), 148.

<sup>13</sup> "Nghị quyết của Bộ Chính trị số 39-NQ/TW, ngày 20 tháng 1 năm 1962, về việc tăng cường đấu tranh chống các bọn phản cách mạng để phục vụ tốt công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh" ("Politburo Resolution No. 39, 20 Jan. 1962, on Intensifying the Struggle against the Anti-Revolutionary Clique to Serve the Building Up of Socialism in the North and the Fight"), <[http://cpv.org.vn/cpv/Modules/Preview/PrintPreview.aspx?co\\_id=30063&cn\\_id=160987](http://cpv.org.vn/cpv/Modules/Preview/PrintPreview.aspx?co_id=30063&cn_id=160987)> (accessed January 10, 2014). See Bộ Công An, 65 năm Công an nhân dân Việt Nam, 157.



các phòng ban khoa học và kỹ thuật, những đơn vị được cho cần thiết cho công việc hoạt động nghiệp vụ và để đối phó hiệu quả với hoạt động của đối phương.<sup>14</sup> Hiện đại hóa và chuyên nghiệp hóa Bộ Công an là ưu tiên số một của Trần Quốc Hoàn.<sup>15</sup> Do đó, các nghị quyết từ năm 1961 đến năm 1962 không chỉ nhằm thiết lập một nhà nước an ninh, mà còn nhằm hiện đại hóa và chuyên nghiệp hóa lực lượng an ninh ở miền Bắc Việt Nam. Vì vậy, nghị quyết của Bộ Chính trị vào tháng Giêng năm 1962 chính thức được coi là "quyết định cơ bản của Đảng về việc thành lập Lực lượng Công an Nhân dân."<sup>16</sup>

Các nghị quyết ngay lập tức được thực hiện. Vòng đầu tiên đã có khoảng 570 "phần tử phản cách mạng" trong năm 1961, chiến dịch được tăng cường những năm sau đó. Năm 1962, tại Hà Nội, Hải Phòng, và các thành phố khác, khoảng 4.000 người từng làm việc cho chính quyền thuộc địa và chính quyền Bảo Đại thân Pháp, cùng nhiều người khác được coi là không đáng tin về chính trị đã bị gửi đến các trại giáo dục cải tạo ở các khu vực vùng sâu vùng xa ở phía Bắc.<sup>17</sup> Theo một ấn phẩm bằng tiếng Việt chính thức, trong giai đoạn 1961-1965, Bộ Công an đã gửi 11.365 cá nhân "được xem là nguy hiểm đối với an ninh của chúng tôi và trật tự xã hội đi cải tạo tập thể [tức là nhà tù]."<sup>18</sup> Sau chiến dịch chinh đồn điền ra vào đầu những năm 1950 và việc giải quyết cuộc khủng hoảng năm 1956 (tức là các chiến dịch cải cách ruộng đất và phong trào Nhân Văn Giai Phẩm), những cuộc thanh trừng có hệ thống trong các khu vực thành thị của miền Bắc Việt Nam và việc điều chuyển những người tình nghi và không đáng tin cậy đến những vùng xa

<sup>14</sup> "Nghị quyết của Bộ Chính trị số 40-NQ/TW, ngày 20 tháng 1 năm 1962, về vấn đề củng cố và tăng cường lực lượng công an" ("Politburo Resolution No. 40, 20 Jan. 1962, on Strengthening and Reinforcing the Public Security Forces"], <[http://cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co\\_id=30063&cn\\_id=160986](http://cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30063&cn_id=160986)> (accessed January 10, 2014); "Nghị định của Hội đồng Chính phủ số 132-CP ngày 29 tháng 9 năm 1961 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Công An" ("Decree 132 of the Council of Ministers, 29 Sept. 1961, Regulating the Tasks, Responsibility, and Organization of the Ministry of Public Security"), <<http://thuvienphapluat.vn/archive/Nghi-dinh/Nghi-dinh-132-CP-Quy-dinh-nhiem-vu-quyen-han-va-to-chuc-bo-may-cua-Bo-Cong-an-vb43783t11.aspx>> (accessed February 13, 2014). Về việc thiết lập tình hình an ninh nhà nước Bắc Việt, xem Nguyen, *Hanoi's War*, 53-56.

<sup>15</sup> Trịnh Thúc Huỳnh, ed., *Đồng chí Trần Quốc Hoàn – chiến sĩ cách mạng trung kiên của Đảng, nhà lãnh đạo xuất sắc của Công an Việt Nam* (Comrade Trần Quốc Hoàn: Faithful Revolutionary Soldier of the Party, Outstanding Leader of the Public Security of Vietnam) (Hà Nội: Chính trị Quốc gia, 2006), 171.

<sup>16</sup> Bộ Công An, *65 năm Công an nhân dân Việt Nam*, 157.

<sup>17</sup> Phạm Văn Quyền et al., eds., *Bộ Công An. 60 năm Công An Nhân Dân Việt Nam (1945-2005)* (Sixty Years of the People's Public Security Forces, 1945-2005) (Hà Nội: NXB Công An Nhân Dân, 2006), 201-202; Bộ Công An, *65 năm Công an Nhân dân Việt Nam*, 148.

<sup>18</sup> Bộ Nội Vụ. Tổng cục I (Ministry of Interior. General Department I), Major Nguyen Hung Linh and Lieutenant Colonel Hoang Mac, *Lực lượng chống phản động: Lịch sử biên niên (1954-1975)* (Anti-Reactionary Forces: Chronology of Events, 1954-1975) (Hà Nội: NXB Công An, 1997), 134. Tôi xin gửi lời cảm ơn tới Merle Pribbenow vì đã cung cấp cho tôi những nguồn tiếng Việt và bản dịch của anh ấy.

xôi trong những năm 1962-1965 là một bước tiến xa hơn trong việc củng cố quyền lực của Đảng đối với Việt Nam DCCH. Sau khi chiến tranh kết thúc năm 1975, các chương trình tái định cư trở thành một hình mẫu để xử lý những "phần tử" ở phía Nam được coi là không đáng tin cậy và là một mối đe dọa cho "chính quyền cách mạng" mới. Mục đích của việc điều chuyển những "phần tử" tình nghi là để loại trừ họ ra khỏi xã hội Việt Nam.

## **"Stasi" Đông Đức và Việt Nam**

### ***"Những chuyên hàng đoàn kết"***

Từ những năm 1950, Bộ Công an Việt Nam đã nhận được sự hỗ trợ của Liên Xô và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, nhưng những nội dung và phạm vi cụ thể mà Trung Quốc hỗ trợ hiện không rõ ràng. Theo các nguồn tin tiếng Việt chính thức, vào cuối những năm 1950, Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn đã nhờ cơ quan an ninh các nước Liên Xô, Đông Đức, Tiệp Khắc, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, và thậm chí là cả Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên giúp đỡ xây dựng bộ máy an ninh.<sup>19</sup> Trong khi có bằng chứng cho thấy sự hỗ trợ này là khá đáng kể, ít nhất là trong trường hợp của Liên Xô, thì trong trường hợp Đông Đức mới chỉ có những tiếp xúc ban đầu được thiết lập.<sup>20</sup>

Tất cả đã thay đổi khi chiến tranh Việt Nam leo thang với việc Mỹ ném bom ở phía Bắc vĩ tuyến 17 và những người lính Mỹ đầu tiên xuất hiện tại Đà Nẵng vào tháng 3 năm 1965. Trong bối cảnh mới này, Việt Nam DCCH không chỉ có nhu cầu bức thiết về các loại vũ khí tinh vi để đối phó với máy bay B-52 của Mỹ, mà còn về các thiết bị tình báo tân tiến để chống lại "chủ nghĩa đế quốc Mỹ" và để xử lý tốt hơn các mối đe dọa thực sự cũng như có thể cảm thấy đối với an ninh quốc gia. Thực tế, chiến tranh và sự can thiệp trực tiếp của Mỹ đã thúc đẩy những nỗ lực của Lê Duẩn trong việc xây dựng một nhà nước an ninh quốc gia. Trong khía cạnh này, câu nói nổi tiếng của Charles Tilly, "chiến tranh sinh ra nhà nước, và nhà nước sinh ra chiến tranh" không chỉ đúng đối với cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), mà còn đúng với cuộc chiến chống lại Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa (1964-1975).<sup>21</sup> Chiến tranh định hình một nhà nước Việt Nam trong đó Đảng Cộng sản sử dụng chiến tranh để kiểm soát dân số ở miền Bắc Việt Nam chặt chẽ hơn và theo dõi những thế lực thù địch của chế độ. Chính trong bối cảnh của chiến tranh mà Bộ Công an Bắc Việt được tiếp cận với Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức, vốn nổi tiếng là

<sup>19</sup> Trịnh Thúc Huỳnh, ed., *Đồng chí Trần Quốc Hoàn – chiến sĩ cách mạng trung kiên của Đảng*, 167.

<sup>20</sup> Về những đối thoại ban đầu với Đông Đức, xem BStU MfS AP 1839/61.

<sup>21</sup> Về cuộc kháng chiến chống Pháp, xem Goscha, *Vietnam: Un État né de la Guerre 1945-1954*.

một trong những cơ quan tình báo được tổ chức chặt chẽ và hoạt động hiệu quả nhất trong khối xã hội chủ nghĩa.

Những liên lạc đầu tiên giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức bắt đầu năm 1957 khi Bắc Việt đệ trình một lời đề nghị về các thiết bị kỹ thuật, bao gồm cả máy ghi âm nhỏ và máy ảnh nhỏ, đến Đại sứ quán Đông Đức ở Hà Nội.<sup>22</sup> Năm 1959, phái đoàn đầu tiên của Bộ Công an đã tới Berlin, dẫn đầu là Nguyễn Minh Tiến. Đoàn làm quen với các thiết bị viễn thông và thiết bị hoạt động trong các lĩnh vực khác như công nghệ hồng ngoại.<sup>23</sup> Năm 1960, Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn đến thăm Đông Đức lần đầu tiên, nhưng không có thông tin về chuyến đi này.<sup>24</sup> Trong những năm sau đó, hai bên vẫn giữ liên lạc và Bộ Công an Bắc Việt tiếp tục nhận được hỗ trợ kỹ thuật từ Đông Đức.

Tuy nhiên, sau chuyến thăm lần đầu tiên vào năm 1959, phải mất sáu năm sự hợp tác giữa Đông Đức và các cơ quan an ninh Việt Nam mới thực sự vào guồng. Tháng 12 năm 1965, một đoàn đại biểu Việt Nam tới thăm Đông Đức và lần này trình bày một danh sách dài bao gồm tất cả các loại thiết bị mong muốn để nâng cấp khả năng công nghệ của Bộ Công an Việt Nam.<sup>25</sup> Erich Mielke, Bộ trưởng tai tiếng của Bộ An ninh Quốc gia, đã phàn nàn về thời gian dài gián đoạn trong mối quan hệ hai nước: không rõ tại sao Bắc Việt Nam phải mất một thời gian dài mới nối lại đàm phán với những người đồng chí Đông Đức của họ. Như đã đề cập ở trên, họ nối lại đàm phán trong năm 1965 chủ yếu là do bùng nổ chiến tranh, nhưng điều này cũng nên được nhìn nhận trong một bối cảnh thứ hai.

Trong hai năm 1963-1964, quan hệ giữa Việt Nam DCCH và Liên Xô đi xuống đến mức rất thấp – đặc biệt là bởi Moscow không tán thành chủ trương đấu tranh quân sự thống nhất đất nước của Lê Duẩn, thay vào đó họ ủng hộ khái niệm chung sống hoà bình. Năm 1964, các nhà lãnh đạo tại [Hà Nội thậm chí còn đưa ra một chiến dịch chống lại "chủ nghĩa xét lại hiện đại."](#) Chiến dịch này nhằm vào các cán bộ bị nghi là bị ảnh hưởng bởi những tư tưởng có nguồn gốc từ Liên Xô. Các nước xã hội chủ nghĩa khác như Đông Đức cũng bị nhắm tới, nhưng Liên Xô mới là mục tiêu chính trong chiến dịch chống chủ nghĩa xét lại nội bộ này.<sup>26</sup>

---

<sup>22</sup> BStU MfS AP 1839/61, 737-738.

<sup>23</sup> BStU MfS AP 1839/61, 724, 737.

<sup>24</sup> BStU MfS AP 1839/61, 737.

<sup>25</sup> BStU MfS Abt. X, 652. Note on a Meeting of Comrade Minister with Vietnamese comrade Nguyen Minh Tien, Head of the Operational-Technical Sector in the Ministry for State Security of the Democratic Republic of Vietnam on Dec. 13, 1965. Dec. 14, 1965: 31-49.

<sup>26</sup> Xem Pierre Asselin, *Hanoi's Road to the War 1954-1965* (Berkeley: University of California Press, 2013), 162-189; Nguyen. *Hanoi's War*, 60-70; Martin Grossheim, "The Lao Động Party, Culture, and the Campaign against 'Modern Revisionism': The Democratic Republic of Vietnam before the Second



Sau sự sụp đổ của Khrushchev tháng 10 năm 1964, mối quan hệ hai nước nhanh chóng được cải thiện. Trong chuyến viếng thăm Hà Nội vào tháng 2 năm 1965, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô Aleksei Kosygin hứa sẽ viện trợ quân sự, nhưng khi nói đến các vấn đề tình báo, rõ ràng là Bắc Việt muốn thoát khỏi sự phụ thuộc đơn phương của mình vào KGB và đa dạng hóa các mối liên kết với những cơ quan tình báo trong thế giới cộng sản. Hồ sơ của Stasi và các ấn phẩm chính thức bằng tiếng Việt có những bằng chứng cho thấy Việt Nam DCCH bắt đầu nhận viện trợ từ các cơ quan an ninh của Ba Lan, Hungary, Đông Đức, Liên Xô, và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa từ năm 1965.<sup>27</sup>

Từ quan điểm của khối xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu, đây cũng là một dạng phân công lao động.

Theo một ấn phẩm chính thức về Trần Quốc Hoàn, vị Bộ trưởng Bộ Công an này đặc biệt quan tâm đến Bộ An ninh quốc gia Đông Đức bởi ông đã nghe nhiều về "phong cách làm việc công nghiệp, hiện đại, và khoa học" ở Đông Đức. Ông cũng thường xuyên trao đổi với Nguyễn Song Tùng, Đại sứ Việt Nam tại Đông Đức. Nguyễn Song Tùng thậm chí còn biên tập một số tài liệu về kinh nghiệm của Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức.<sup>28</sup> Trong lịch sử chính thức về Bộ Công an bằng tiếng Việt, sự hỗ trợ từ các cơ quan tình báo Liên Xô và Đông Đức thường được đánh giá là quan trọng nhất trong khối xã hội chủ nghĩa.<sup>29</sup> Do đó, việc hiện đại hóa cơ quan an ninh mà Trần Quốc Hoàn đã dự tính trong một vài năm trước đó bắt đầu trở thành hiện thực vào giữa năm 1960, chủ yếu là nhờ sự giúp đỡ của Liên Xô và CHDC Đức.<sup>30</sup>

Tháng 11 năm 1965, Bộ trưởng Bộ Công an Bắc Việt Trần Quốc Hoàn đã gửi một bức thư cho Erich Mielke, Bộ trưởng Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức, và tái lập lại liên lạc với các đối tác Đông Đức của ông.<sup>31</sup> Đoàn đại biểu do Nguyễn Minh Tiến

Indochina War," *Journal of Vietnamese Studies* 9, no. 1 (May 2013): 80-129; Martin Grossheim, "Revisionism in the Democratic Republic of Vietnam: New Evidence from the East German Archives," *Cold War History* 5, no. 4 (November 2005): 451-477.

<sup>27</sup> Xem Phạm Văn Quyền et al., eds., *Bộ Công An. 60 năm Công An Nhân Dân Việt Nam*, 757. Một cuốn sách viết về Trần Quốc

Hoàn thậm chí còn đề cập rằng Triều Tiên đã cử chuyên gia đến Hà Nội, nhưng đây là bằng chứng duy nhất tôi tìm được về mối quan hệ đồng minh giữa Bắc Việt và Triều Tiên. Xem Trịnh Thúc Huỳnh, ed., *Đồng chí Trần Quốc Hoàn*, 167. Về những bằng chứng trong hồ sơ của Stasi về viện trợ từ Hungary, xem BSTU MfS Abt. X, 652, Andras Benkei, Ministry of Interior of the People's Republic of Hungary, to Mielke, Translation from Russian, Dec. 11, 1965: 384-385.

<sup>28</sup> Nguyễn Thanh et al., eds., *Những Kỷ Niệm Sâu Sắc Về Bộ Trưởng Trần Quốc Hoàn*, 210; Trịnh Thúc Huỳnh, ed., *Đồng chí Trần Quốc Hoàn*, 189.

<sup>29</sup> Một ví dụ, xem Trịnh Thúc Huỳnh, ed., *Đồng chí Trần Quốc Hoàn*, 63-64, 94.

<sup>30</sup> Trần Quốc Hoàn thường được ghi nhận là người đã khởi xướng công cuộc hiện đại hóa lực lượng an ninh (Bắc) Việt Nam. Xem Trịnh Thúc Huỳnh, ed., *Đồng chí Trần Quốc Hoàn*, 63, 94, 253.

<sup>31</sup> BSTU MfS Abt. 652, Tran Quoc Hoan, Hanoi, to Erich Mielke, Nov. 1, 1965: 24-26.

dẫn đầu đến Đông Berlin vào tháng 12 năm 1965. Nguyễn Minh Tiến là người đứng đầu Tổng cục Kỹ thuật của Bộ Công an Bắc Việt và sau này trở thành một trong những Thứ trưởng của nó. Đây là chuyến đi thứ hai của ông đến Đông Đức, sau này còn rất nhiều chuyến đi khác nữa. Trên thực tế, Nguyễn Tiến Minh đã trở thành người liên lạc chính với Stasi trong bộ máy an ninh Bắc Việt.

Trong cuộc gặp với Erich Mielke, đầu tiên Trần Quốc Hoàn giải thích chi tiết về những thành công mà Việt Nam DCCCH đã đạt được trong cuộc chiến chống lại "đế quốc Mỹ và tay sai," nhưng sau đó là lý do thực sự cho chuyến thăm của ông tới Đông Berlin:

Chúng tôi phải đối mặt với nhiều khó khăn trong cuộc chiến của mình, bởi kẻ thù rất tinh ranh mà chúng tôi còn quá thô sơ. Do đó chúng tôi vẫn chưa thể kiểm soát được nhiều... Như đồng chí Bộ trưởng biết, các đồng chí của chúng tôi ở Đông Đức phải tiếp xúc hàng ngày với kẻ thù và không ngừng chiến đấu với chúng. Các đồng chí đã thực hiện nhiều sáng kiến trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù và có một truyền thống lâu đời về khoa học và công nghệ. Vì vậy, chúng tôi đề nghị các đồng chí cho phép chúng tôi được nghiên cứu những kinh nghiệm quý báu của các đồng chí, để chúng tôi có thể thực hiện công việc của chúng tôi hiệu quả hơn.<sup>32</sup>

Nguyễn Minh Tiến trình bày với Mielke một danh sách mong muốn dài và chi tiết: phía Việt Nam đề nghị các đồng chí Đông Đức giúp họ thiết lập một khu vực nghiệp vụ kỹ thuật cũng như đào tạo và cung cấp các thiết bị cần thiết. Cụ thể, Việt Nam muốn học tập kinh nghiệm của Stasi trong các lĩnh vực sau và đề nghị phía Đông Đức giúp xây dựng một bộ phận có thể phân tích và thiết kế các thiết bị gồm: kỹ thuật nghe lén, bảo vệ chống thiết bị nghe lén, thiết bị che giấu, thiết bị phá khóa, bí mật giám sát trực tiếp qua hình ảnh, chặn và theo dõi thư từ, làm giả tài liệu, và soạn thảo văn bản bí mật.<sup>33</sup>

Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức rất sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm và chuyên môn kỹ thuật.<sup>34</sup> Năm 1966, Stasi đã cung cấp trợ giúp kỹ thuật cho những người

---

<sup>32</sup> BStU MfS Abt. X 652, Note on a Meeting of Comrade Minister with the Vietnamese Comrades Nguyen-Minh-Tien, Head OTS in the MfS of the Democratic Republic of Vietnam and [name blacked out] interpreter on 13 December 1965 from 4 to 7 pm: 13.

<sup>33</sup> BStU MfS Abt. X, 652, Note on a Meeting of Comrade Minister with Vietnamese comrade Nguyen Minh Tien, Head of the Operational-Technical Sector in the Ministry for State Security of the Democratic Republic of Vietnam on Dec. 13, 1965. Dec. 14, 1965: 31-49.

<sup>34</sup> Về sự trợ giúp của Stasi cho các nước hậu thuộc địa trong khối "các nước phương Nam" nói chung, xem Gerhard Ehlert, Jochen Staadt, and Tobias Voigt, *Die Zusammenarbeit zwischen dem Ministerium für Staatssicherheit der DDR (MfS) und dem Ministerium des Innern Kubas (MINIINT)* (Berlin: Forschungsverbund SED-Staat, 2002); Jens Gieseke, *Die Stasi 1945-1990* (Munich: Pantheon, 2011), 243-247; Ilko-Sascha Kowalczyk, *Stasi konkret. Überwachung und Repression in der DDR* (Munich: C.H. Beck, 2013), 247-262; Bernhard Marquardt, "Die Kooperation des

đồng chí của mình tại Hà Nội. Một số thiết bị cung cấp cho Việt Nam thực ra đã phải được mua ở Tây Đức hoặc các nước phương Tây khác. Ví dụ, vào tháng 3 năm 1966, Stasi đã đặt nhiều thiết bị đặc biệt trị giá 38.000 Mác Đức ở phương Tây, bao gồm một máy phay Aciera vi cơ học do Thụy Sĩ sản xuất.<sup>35</sup>

Sự hỗ trợ của Đông Đức cho bộ máy an ninh Việt Nam tiếp tục được mở rộng trong tháng 9 năm 1966 khi lần đầu tiên Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn đến thăm chính thức và gặp gỡ đối tác Đông Đức Erich Mielke của mình. Trong đoàn còn có Phạm Văn Mẫn, Tổng cục phó Tổng cục Kỹ thuật Bộ Công an. Điều này phản ánh mục tiêu tối quan trọng của chuyến thăm, đó là đề nghị Đông Đức trợ giúp nâng cấp và hiện đại hóa các ngành kỹ thuật nghiệp vụ.

Trần Quốc Hoàn nhấn mạnh các nguyên tắc của "quốc tế vô sản." Khi kêu gọi sự hỗ trợ của các đồng chí Đông Đức trong cuộc đấu tranh chung của họ chống lại "đế quốc Mỹ," ông đã không gặp khó khăn gì. Erich Mielke nói với ông rằng sự giúp đỡ của Đông Đức cần được xem xét như là một "đóng góp đoàn kết" trong cuộc đấu tranh chung chống lại "chủ nghĩa đế quốc Mỹ" của hai nước.<sup>36</sup> Mielke chỉ yêu cầu đối tác Bắc Việt của mình gửi vũ khí và các thiết bị khác của Mỹ đến Đông Đức: "Như vậy chúng ta có thể đạt được những hiểu biết mới."<sup>37</sup> Trong một cuộc họp trước đó với Nguyễn Minh Tiến, Bộ trưởng An ninh Quốc gia Đông Đức đã đề nghị gửi hai cán bộ Stasi đến Việt Nam DCCH để tìm hiểu hoạt động của các cơ quan Mỹ tại Việt Nam.<sup>38</sup>

Trong cuộc họp, Erich Mielke cũng thông báo rằng Bộ An ninh Quốc gia sẽ cung cấp viện trợ kỹ thuật trị giá 2 triệu Mác (Đông Đức) và 200.000 Mác (Tây Đức) cho cơ quan an ninh miền Bắc Việt Nam.<sup>39</sup> Trần Quốc Hoàn rất vui mừng về việc các đồng chí Đông Đức sẵn sàng giúp đỡ và thậm chí còn mua thiết bị kỹ thuật

---

Ministeriums für Staatssicherheit (MfS) mit dem KGB und anderen Geheimdiensten," in Materialien der Enquete-Kommission: "Überwindung der Folgen der SED-Diktatur im Prozeß der deutschen Einheit", vol. 8 (Baden-Baden 1999), 1.966–2.007; and Monika Tantzsch, "Die Stasi und ihre geheimen Brüder. Die internationale geheimdienstliche Kooperation des MfS," in Diktaturen in Europa im 20. Jahrhundert – der Fall DDR (Berlin: Duncker & Humblot, 1996), 595-621.

<sup>35</sup> BStU MfS Abt. X, 652. Dept. X: 115.

<sup>36</sup> BStU MfS Abt. X, 652, Note on a Meeting between high-level members of the MfS of the DRV and MfS of the GDR on Sept. 24, 1966, from 9:30 to 12:00 am, Sept. 27, 1966, 141. See also BStU MfS Abt. X, 652, Note on a Meeting of Comrade Minister with the Vietnamese comrades on Febr. 1, 1966, Febr. 10, 1966: 55.

<sup>37</sup> BStU MfS Abt. X, 652: 141.

<sup>38</sup> BStU MfS Abt. X, 652. Note on a Meeting of Comrade Minister with the Vietnamese comrade on Febr. 1, 1966, Febr. 10, 1966: 58.

<sup>39</sup> BStU MfS Abt. X, 652: 135.

cao từ phía kẻ thù đến nỗi ông cảm ơn Erich Mielke bằng cách trích dẫn câu nói nổi tiếng của người Việt Nam. “chia cơm sẻ áo.”<sup>40</sup>

Ngay sau chuyến thăm Đông Đức của Trần Quốc Hoàn vào tháng Mười năm 1966, Stasi đã bắt đầu khóa đào tạo đầu tiên trong lĩnh vực thiết bị điện tử cho các cán bộ cấp cao của Bộ Công an Việt Nam, như Cục trưởng Cục an ninh sống vô tuyến.<sup>41</sup> Từ tháng 11 năm 1966 đến tháng 4 năm 1967, nhiều nhân viên an ninh cao cấp Bắc Việt đã tham gia khóa đào tạo đầu tiên ở Đông Đức được tổ chức bởi bộ phận kỹ thuật nghiệp vụ của Stasi (OTS) và học các kỹ năng trong những lĩnh vực như thu thập tình báo, kiểm soát bưu điện, vân tay, điều tra thư tín bằng văn bản, sản xuất mực bí mật, phân tích và khôi phục tài liệu.<sup>42</sup> Được chỉ định là người đứng đầu các bộ phận tương ứng trong Bộ Công an Bắc Việt, Nghiêm Sĩ Tạo được đào tạo phân tích và sản xuất các tài liệu và mực in bí mật từ tháng 12 năm 1967 đến tháng 4 năm 1968.<sup>43</sup> Tương tự như vậy, Châu Diệu Ái, sau này là thành viên của Cục kỹ thuật nghiệp vụ, được đào tạo viết văn bản bí mật và phân tích chế tạo tài liệu vào năm 1970. Trong những năm sau, Stasi tổ chức các khóa học bổ sung cho các chuyên gia từ Hà Nội với một giáo trình được mở rộng. Theo một báo cáo chính thức của OTS Stasi,

các khóa đào tạo kéo dài trong khoảng thời gian từ ba đến sáu tháng, khoảng 20 đồng chí Việt Nam đã được OTS đào tạo trong các lĩnh vực sau: [phân tích và tái tạo] tài liệu, văn bản bí mật, tội phạm học, đặc vụ; thiết bị điện tử (giám sát phòng và khai thác điện thoại), vi cơ/quang học, sản xuất công-ten-nơ [các thiết bị che giấu], [và] công nghệ bảo mật.<sup>44</sup>

<sup>40</sup> BStU MfS Abt. X, 652: 142.

<sup>41</sup> Xem BStU MfS, OTS, 1775. Training of Vietnamese Comrades by the MfS in the GDR, Dec. 10, 1971: 2. Trong một tài liệu khác người này được xác định là cục phó. Xem BStU MfS, OTS, 1775. Exchange of specialists/meetings of heads of departments/short consultations, no date. 7. Về viện trợ của Đông Đức cho Việt Nam, xem thêm Macrakis, *Seduced by Secret*, 165-166, and Bộ Công An. Tổng Cục Xây Dựng Lực Lượng Công An Nhân Dân Việt Nam (Ministry of Public Security. General Department of Building up the Forces of the People’s Public Security of Vietnam), *Lịch sử xây dựng lực lượng công an nhân dân Việt Nam, Tập II (1954–1975) (Sơ thảo)* (History of Building up the Forces of the People’s Public Security of Vietnam, Volume II, 1954–1975, (Draft)) (Hà Nội: NXB Công An Nhân Dân, 2010), 153-154.

<sup>42</sup> Về ngành kỹ thuật nghiệp vụ của Stasi (OTS), xem Roland Wiedmann: *Die Dienstleistungen des MfS 1950– 1989. Eine organisatorische Übersicht (MfS-Handbuch)*. Hg. BStU. Berlin 2012. <<http://www.nbn-resolving.org/urn:nbn:de:0292-97839421302889>> (accessed March 19, 2014): 160-167.

<sup>43</sup> Như trên. 2; MfS, OTS, 1775. Important results and activities of the previous cooperation: 6, no date; MfS, OTS, 1775. Exchange of specialists/meetings of heads of departments/short consultations: 7-10, no date.

<sup>44</sup> BStU MfS, OTS, 1775. Information on the Cooperation of the MfS OTS of the GDR with the Main Department Technology I of the Ministry of Interior of the SR of Vietnam: 14, no date; BStU MfS Abt. X, 652. Hentschke, Head OTS, Training of Vietnamese comrades, Dec. 11, 1967: 303; BStU MfS Abt. X, 562. OTS Der Leiter, Schmidt, Berlin, 7. 11.1969: 333-334. Comment on the training program

Do đó, Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức đã đào tạo các chuyên viên cao cấp, những người sau này được cho là nắm giữ các vị trí quan trọng trong Bộ Công an Việt Nam và có công trong việc hiện đại hóa bộ phận kỹ thuật của nó.<sup>45</sup>

Đáp ứng một đề nghị khác của Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn, Đông Đức cũng hỗ trợ Bộ Công an trong việc quy hoạch và xây dựng một viện pháp y và đào tạo đội ngũ cán bộ.<sup>46</sup> Theo một ấn phẩm chính thức của Việt Nam, trong tháng 4 năm 1966, 9 cán bộ đã được gửi đến đào tạo tại Trường Khoa học pháp y thuộc Bộ Nội vụ Đông Đức.<sup>47</sup> Trong nhiệm vụ khảo sát tình hình thực tế ở Hà Nội trong tháng 1 và tháng 2 năm 1967, một phái đoàn của Bộ Nội vụ Đông Đức thấy rằng pháp y tại Việt Nam DCCH vẫn còn đang trong giai đoạn phát triển ban đầu và thiếu thốn chuyên gia, thiết bị và chuyên môn. Phía Việt Nam đã đề nghị Bộ Nội vụ Đông Đức hỗ trợ thêm. Rychlik, Trưởng đoàn Đông Đức, hoàn toàn chấp thuận đề nghị này với nhận xét hơi khó hiểu: "Những mong muốn của phía Việt Nam tương ứng với các nhu cầu thiết yếu trong cuộc chiến chống kẻ thù xâm lược Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam DCCH."<sup>48</sup> Vào cuối năm 1968, mười cán bộ bổ sung đã được gửi đến Đông Đức để tham dự các khóa học về khoa học pháp y. Sau đó Hà Nội đã mời các chuyên gia từ Bộ Nội vụ Đông Đức đến đào tạo cho các chuyên gia bổ sung tại Hà Nội. Như vậy, trong vòng một năm đã có khoảng 100 cán bộ Việt Nam được đào tạo về Pháp y tội phạm (trong các lĩnh vực như dấu vân tay, đạn, hóa học và sinh học pháp y), mặc dù phải mất thêm năm năm Bộ Chính trị Đảng Thống nhất Xã hội chủ nghĩa Đông Đức mới quyết định xây dựng một Viện Pháp y hoàn chỉnh tại Hà Nội.<sup>49</sup>

---

of the Vietnamese comrade Ai, Letter from 20 Oct. 1969; BStU MfS, OTS, 1775. Training of Vietnamese Comrades by the MfS in the GDR, Dec. 10, 1971: 2.

<sup>45</sup> Nghiêm Sĩ Tạo, người tham gia một trong những khóa học đầu tiên Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức tổ chức năm 1967/68 sau này trở thành Phó Giáo sư và Phó Giám đốc trường H18; Phạm Tất Lanh and Nguyễn Kim Quý, những người tham gia khóa đào tạo làm giả tài liệu năm 1974 sau này trở thành Chánh văn phòng Cục Hồ sơ An ninh and Phó chánh văn phòng Tư liệu nghiệp vụ. Xem "Nhớ mãi những kỷ niệm về Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn" ("Unforgettable Memories of Minister Tran Quoc Hoan"), *Công An Nhân Dân* (People's Public Security Newspaper), January 21, 2014, <<http://www.cand.com.vn/vi-VN/phongsu/2014/1/221014.cand>>(accessed 21 January 2014); and BStU MfS Abt. X, 652, Hentschke, Head OTS, Training of Vietnamese comrades, 303, Dec. 11, 1967, 303-304; MfS, OTS, 1775. Exchange of specialists/meetings of heads of departments/short consultations, 7-10, no date.

<sup>46</sup> BStU MfS Abt. X, 652, Tran Quoc Hoan, Hà Nội, to Erich Mielke, Nov. 1, 1965: 28.

<sup>47</sup> Bộ Công An, *Lịch sử xây dựng lực lượng Công an Nhân dân Việt Nam, Tập II (1954-1975)*, 149.

<sup>48</sup> BStU MfS Abt. X, 652. Ministry of Interior. Account of the Visit of a Delegation of the Ministry of Interior in the Democratic Republic of Vietnam from 12 Jan. 1967 to 15 Febr. 1967. Rychlik: 497.

<sup>49</sup> Bộ Công An, *Lịch sử xây dựng lực lượng công an nhân dân Việt Nam, Tập II (1954-1975)*, 149-150; BStU MfS Abt. X 348. Mielke an Ministerrat der DDR, Stellv. Vors. Dr. Weiss, 11.10.1973: 270. For further details see the files in the Federal Archives BArch DO 1/11602, Bd. 12, DO 1/11493, and DO 1/40386, Bd. 3.



## **"Xâm nhập miền Nam Việt Nam"**

Ý nghĩa của tất cả những "lô hàng đoàn kết" mà CHDC Đức gửi đến Việt Nam trước đây là gì? Chúng có thể phục vụ cả nhu cầu tình báo nước ngoài và phản gián và an ninh nội bộ trong nước. Trong trường hợp của Bắc Việt, điều này có nghĩa là chiến đấu chống "đế quốc Mỹ" và cái gọi là "chính phủ bù nhìn" miền Nam Việt Nam và theo dõi những kẻ thù nội bộ. Một ví dụ về đế quốc Mỹ là vào năm 1967, Hoa Kỳ đã cung cấp một loại tài liệu nhận dạng mới với các tính năng kỹ thuật rất hiện đại và tinh vi cho chế độ Sài Gòn. Cái gọi là thẻ căn cước "Rồng Xanh" rất khó sao chép và khiến nhiều cán bộ Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng đang hoạt động trong các khu vực dưới sự kiểm soát của địch gặp nhiều rắc rối. Tuy nhiên, trong năm 1972, Văn phòng Tài liệu Nghiệp vụ tại Hà Nội với đội ngũ nhân viên được đào tạo ở Đông Đức, đã có thể làm giả thẻ căn cước – chủ yếu nhờ vào sự giúp đỡ của Stasi. OTS tại Berlin đã phân tích một trong những thẻ căn cước Rồng Xanh và cam kết sẽ hỗ trợ các đồng nghiệp Việt Nam của họ sao chép chúng bằng cách mua vật liệu và thiết bị đặc biệt, thậm chí từ các nước tư bản chủ nghĩa. Vấn đề làm giả tài liệu luôn có mặt trên chương trình nghị sự trong các cuộc họp giữa các thành viên cấp cao của Bộ Công an Bắc Việt với các đồng nghiệp Đông Đức của họ từ giữa những năm 1966 cho đến khi kết thúc chiến tranh.<sup>50</sup>

Theo một tài liệu tiếng Việt gần đây, "năm 1973, một số lượng lớn thẻ căn cước Rồng Xanh và các bộ phận của thiết bị hỗ trợ đã được những người bạn [Đông Đức] của chúng ta vận chuyển đến Văn phòng Tài liệu. Chúng tôi tiếp tục mở các lớp đào tạo cán bộ và vận chuyển thẻ căn cước Rồng Xanh và các bộ phận thiết bị mới được những người bạn [Đông Đức] của chúng ta cung cấp để gửi cán bộ vào Nam cho đến cuộc Tổng Tiến công chiến thắng vào năm 1975."<sup>51</sup> Để hiểu rõ hơn tầm quan trọng của vấn đề này, cần lưu ý rằng các cán bộ cấp cao hoạt động ở phía Nam được cung cấp thẻ căn cước giả gồm có Nguyễn Văn Linh, sau này là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản, và Võ Văn Kiệt, sau này là Thủ tướng Việt Nam.

Ở mức độ tổng quát hơn, tuyển tập chính thức hoành tráng mang tên 60 năm lịch sử của Lực lượng Công an Nhân dân nói rằng dưới sự giúp đỡ của Đông Đức và Liên Xô, cục kỹ thuật nghiệp vụ Bắc Việt đã có thể sản xuất nhiều thiết bị phục vụ cho công tác hoạt động của cán bộ miền Nam Việt Nam, bao gồm làm giả

---

<sup>50</sup> MfS, OTS, 1775. Exchange of specialists/meetings of heads of departments/short consultations, 7-10, no date.

<sup>51</sup> "Nhớ mãi những kỷ niệm về Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn." Xem BStU MfS Abt. X 348, Support of the Security Organs of the Democratic Republic of Vietnam, Dec. 6, 1971. 261-267.

con dấu và tài liệu, thiết bị quang học, các công cụ phá khóa, và ngòi nổ cháy chậm.<sup>52</sup>

Trong khi sự hỗ trợ kỹ thuật từ Stasi Đông Đức đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ cán bộ cộng sản cấp cao ở miền Nam khỏi bị các lực lượng an ninh Sài Gòn phát hiện và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của họ, các thiết bị kỹ thuật và chương trình đào tạo hiện đại mà Đông Đức cung cấp cũng tăng cường đáng kể khả năng kiểm soát và giám sát dân cư của các đồng nghiệp miền Bắc Việt Nam – khía cạnh thứ hai của liên minh tình báo Đông Đức-Việt Nam.

### ***"Kiểm soát nội bộ ở miền Bắc"***

Tháng 6 năm 1967, Bộ Công an Bắc Việt gửi những người đồng chí Đông Đức của họ một kế hoạch chi tiết về việc thiết lập hai cơ quan phân tích, làm giả tài liệu và công nghệ giám sát. Theo tài liệu này, những cơ quan này phải xây dựng và sản xuất thiết bị kỹ thuật đặc biệt "cần thiết cho lực lượng an ninh, Công an Nhân dân và các cơ quan an ninh của Quân đội Nhân dân trong cuộc đấu tranh chống lại các phần tử chủ nghĩa đế quốc, bè lũ phản động, và các tội phạm khác."<sup>53</sup>

Tương tự, tháng 5 năm 1969, Trần Quốc Hoàn đã gửi một bức thư cho Friedrich Dickel, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Công an nhân dân Đông Đức, thông báo rằng ba cán bộ công an Việt Nam sẽ được gửi đến Đông Đức để đào tạo sâu hơn trong việc ngăn chặn và theo dõi các phần tử phản cách mạng và làm quen với các thiết bị đặc biệt giúp họ hoàn thành nhiệm vụ này.<sup>54</sup>

Không rõ liệu cuối cùng khóa đào tạo mà Bắc Việt đề xuất này có diễn ra hay không. Tuy nhiên, ý định tăng cường khả năng ngăn chặn và truy lùng "kẻ thù của cách mạng" của bộ máy an ninh Hà Nội là rất rõ ràng. Như đã đề cập trước đây, có rất nhiều bằng chứng cho thấy các cán bộ cao cấp của Cục Kỹ thuật, Bộ Công an Việt Nam đã được đào tạo sử dụng công nghệ giám sát và bảo mật hiện đại. Hơn nữa, việc phái đoàn đầu tiên của Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức - bao gồm các nhân viên của Cục 26 vốn phụ trách thiết bị nghe lén và giám sát trực quan, Cục 31 phụ trách công nghệ chụp ảnh, công nghệ quan sát trực quan, sao khóa, công nghệ bảo mật, và Cục tình báo nước ngoài - đã đến miền Bắc Việt Nam vào giữa năm 1966 là rất có ý nghĩa. Đoàn Stasi đầu tiên tại Hà Nội được giao nhiệm vụ thảo luận với các đồng nghiệp của Bộ Công an Bắc Việt về vấn đề hỗ trợ và sử dụng "thiết bị tác chiến", tức là các thiết bị phục vụ cho các hoạt động tình báo và phản gián

<sup>52</sup> Phạm Văn Quyền et al., eds., *Bộ Công An. 60 năm Công An Nhân Dân Việt Nam*, 758.

<sup>53</sup> BStU MfS Abt. X, 652: 262.

<sup>54</sup> SAPMO BArch DO1/11492. Letter to Friedrich Dickel, Minister of Interior, Hà Nội, 31 May 1969.

trong các điều kiện cụ thể ở Việt Nam.<sup>55</sup> Bắt đầu từ năm 1966, các "lô hàng đoàn kết" của Đông Đức tới Việt Nam DCCH bao gồm các thiết bị giám sát công nghệ cao đã tiếp tục thường xuyên đến cảng Hải Phòng trong chiến tranh, thậm chí còn được tăng cường sau năm 1975 trong bối cảnh tình hình an ninh căng thẳng ở miền Nam thời hậu chiến.

Các hồ sơ của Stasi chứa hàng trăm danh sách chi tiết của tất cả các loại thiết bị và kỹ thuật phục vụ cho nhu cầu thực hiện các hoạt động bí mật, phản gián, và thông tin liên lạc bí mật của cơ quan an ninh Bắc Việt, bao gồm các thiết bị giám sát phòng không dây và có dây và các thiết bị nghe (băng ghi âm, băng, tai nghe, máy ảnh Minox, camera hồng ngoại, kính viễn vọng, và máy vi âm định hướng).<sup>56</sup> Một số thiết bị nghe và thiết bị giám sát phòng đã được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện khí hậu cận nhiệt đới ở miền Bắc Việt Nam.<sup>57</sup>

Nó cũng tiết lộ rằng trong chuyến thăm thứ ba của mình tới Đông Đức vào tháng 3 năm 1966, Nguyễn Minh Tiến đã nhận được sáu kính viễn vọng, mười máy ảnh Minox nhỏ, và bốn bộ dụng cụ nhập kín đáo như một món quà,<sup>58</sup> và "lô hàng đoàn kết" đầu tiên giữa năm 1966 bao gồm hàng trăm các thiết bị nghe và giám sát.<sup>59</sup> Tương tự, Bộ Công an Bắc Việt cũng nhận được các bộ dụng cụ phá khóa cho phép nhân viên của họ đột nhập vào nhà của những "phần tử" tình nghi và sau đó cài đặt các thiết bị nghe nêu trên.<sup>60</sup>

Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà lịch sử chính thức của bộ máy an ninh Việt Nam trước nay vốn được phân loại là "tối mật" hoặc "lưu hành nội bộ," nhưng hiện nay đã có thể tiếp cận, cho thấy làm thế nào lực lượng an ninh Việt Nam có thể thành công trong việc theo dõi những kẻ thù nội bộ cũng như bên ngoài của cuộc cách mạng từ những ngày đầu của Việt Nam DCCH. Lý do một phần là nhờ những hỗ trợ và đào tạo đến từ Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức.<sup>61</sup> Nói cách khác, việc Stasi Đông Đức cung cấp các thiết bị công nghệ cao và đào tạo cán bộ công an Việt Nam đã góp phần đáng kể vào việc tăng cường trấn áp nội bộ của Việt Nam DCCH. Nó

---

<sup>55</sup> BStU MfS, OTS, 1775. Exchange of specialists/meetings of heads of departments/short consultations since 1966 between the GDR Ministry of State Security and the DRV Ministry of State Security [sic!]: 7, no date.

<sup>56</sup> BStU MfS Abt. X 345, 320-329, 334-335, 338-341, 373-374, 390-391; BStU MfS Abt. X 652: 109-124.

<sup>57</sup> BStU MfS, OTS, 1775. Information on the Cooperation of the MfS OTS of the GDR with the Main Department Technology I of the Ministry of Interior of the SR of Vietnam: 15, no date.

<sup>58</sup> BStU MfS Abt. X 652: 111.

<sup>59</sup> BStU MfS Abt. X 652: 116-120.

<sup>60</sup> BStU MfS Abt. X 345: 319, 345; BStU MfS Abt. X 652: 111.

<sup>61</sup> Ví dụ, xem, Bộ Nội Vụ, Major Nguyen Hung Linh, and Lieutenant Colonel Hoang Mac, *Lực lượng chống phản động*.

cho phép Bộ Công an Bắc Việt thắt chặt hơn nữa tầm kiểm soát đối với xã hội miền Bắc Việt Nam và ngăn chặn bất kỳ sự chống đối nào.

Bất kỳ sự chống đối nào ở đây cũng tức là những tiếng nói bất đồng chính kiến trong đảng. Các thiết bị giám sát và các thiết bị khác mà Stasi Đông Đức cung cấp sau đó cũng được dùng để giám sát Đảng Lao động Việt Nam, Quân đội Nhân dân và bóp nghẹt mọi sự chống đối tiềm tàng. Điều thú vị là trong tháng 2 năm 1963, Bộ Công an Bắc Việt đã quyết định thành lập một Cục Bảo vệ Nội bộ chịu trách nhiệm theo dõi và nghiền nát bất kỳ phần tử phản cách mạng nào bí mật hoạt động trong các tổ chức Đảng và Nhà nước.<sup>62</sup> Việc tổ chức lại bộ máy an ninh nhà nước cung cấp các cơ sở cần thiết cho phe cầm quyền Lê Duẩn - Lê Đức Thọ gạt bỏ và loại trừ bất cứ sự phản đối nào đối với chiến dịch quân sự của họ trong Đảng Lao động Việt Nam. Điều này lên đến đỉnh điểm trong cái gọi là "Phong trào chống chủ nghĩa xét lại hiện đại" vào năm 1964, trong đó Bộ Công an, với Cục An ninh nội bộ mới thành lập của nó, có vai trò quan trọng.<sup>63</sup>

Tuy nhiên, ví dụ nổi bật nhất của việc nghiền nát sự bất đồng trong nội bộ Đảng ở miền Bắc Việt Nam lại là cái gọi là "vụ án xét lại chống Đảng" từ năm 1967, trực tiếp liên quan đến các sự kiện năm 1963 -1964. Trong vụ việc này, bộ máy an ninh Bắc Việt đã bắt giữ hàng trăm cán bộ Đảng và trí thức. Hoàn cảnh chính xác của vụ việc này vẫn chưa rõ ràng, nhưng các bằng chứng sẵn có cho thấy các vụ bắt giữ phản ánh một tư tưởng cứng rắn của các nhà lãnh đạo tại Hà Nội vào đêm trước của cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân, và những lời chỉ trích nhắm vào Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp, đối thủ quyền lực chính của Lê Duẩn từ những năm 1950. Lê Duẩn đã hỗ trợ Đại tướng Nguyễn Chí Thanh hoạt động như một đối trọng với Võ Nguyên Giáp vốn được lòng nhiều người. Tuy nhiên, cái chết đột ngột của Nguyễn Chí Thanh tháng 7 năm 1967 đã để lại một khoảng trống trong cơ cấu quyền lực ở Hà Nội, nhất là khi sức khỏe của Hồ Chí Minh tiếp tục xấu đi.<sup>64</sup>

Đến tận gần đây, các ấn phẩm chính thức tại Việt Nam vẫn giữ im lặng về những làn sóng bắt giữ vào năm 1967 và nguyên nhân của chúng. Tuy nhiên, *Lịch*

<sup>62</sup> Bộ Công An, *Lịch sử xây dựng lực lượng công an nhân dân Việt Nam, Tập II (1954–1975)*, 113. During a further reorganization of the Ministry the Internal Security Department split up into a "Department against Spies" (Cục Chống gián điệp = Cục Bảo vệ Chính trị I) and a "Department against Reactionaries" (Cục Chống phản động = Cục Bảo vệ Chính trị II). Xem Bộ Công An, *Lịch sử xây dựng lực lượng công an nhân dân Việt Nam, Tập II (1954–1975)*, 204-208.

<sup>63</sup> Xem Grossheim. "Revisionism in the Democratic Republic of Vietnam," 451-477.

<sup>64</sup> Về vấn đề này, xem Nguyen. Hanoi's War, 102-109; Sophie Quinn-Judge, "The Ideological Debate in the DRV and the Significance of the Anti-Party Affair, 1967–68," *Cold War History* 5, no. 4 (November 2005): 479-500; and Martin Grossheim, *Die Partei und der Krieg: Debatten und Dissens in Nordvietnam* (Berlin: Regiospectra Verlag, 2009).

*sử Cục Bảo vệ An ninh Quân đội, Quân đội Nhân dân Việt Nam (1950-2000)* xuất hiện trên các trang web ở Việt Nam một thời gian ngắn đã trình bày phiên bản chính thức của "vụ án xét lại chống Đảng" và cung cấp thông tin chi tiết về cách cơ quan an ninh Việt Nam tham gia vào việc theo dõi những cán bộ bị coi là kẻ thù và thậm chí là kẻ phản bội của Đảng:

Từ năm 1965 trở đi, Cục An ninh Quân đội đã tham gia nhiều hơn vào cuộc đấu tranh chống lại "Tổ chức phản động chống Đảng mang tư tưởng chủ nghĩa xét lại, hoạt động như con rối của nước ngoài."

Đây là một vụ án lớn mà Đảng ta đã phát hiện vào cuối năm 1963, sau khi Ủy ban Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết số 9 về chính sách đấu tranh quốc tế chống lại mọi hình thức chủ nghĩa xét lại hiện đại và chủ nghĩa cơ hội. Một số cán bộ cao cấp và Đảng viên làm việc trong một số cơ quan quân đội, chính phủ, và Đảng đã thể hiện lý tưởng đi ngược lại chủ nghĩa Mác-Lênin. Chúng cố gắng phá hoại chính sách đối ngoại và chính sách chống Mỹ cứu nước của Đảng ta, thay vào đó, chúng ủng hộ chính sách thỏa hiệp hữu khuynh và hoà giải.

Đối mặt với tình hình này, giữa năm 1964, Trung ương Đảng quyết định thành lập một vụ án điều tra hình sự...

Để hoàn thành nhiệm vụ của mình, Cục An ninh Quân đội đã tiến hành điều tra bằng cách sử dụng các biện pháp khác nhau, bao gồm trinh sát nội bộ [gián điệp/thông tin], trinh sát bên ngoài [giám sát], trinh sát kỹ thuật, và các biện pháp giám sát kết hợp. Những cán bộ tham gia điều tra và bắt giữ làm việc cả ngày lẫn đêm, theo sau từng bước đi của địch, thu thập, góp nhặt chứng cứ...

Năm 1970, vụ án chống lại "Tổ chức phản động chống Đảng mang tư tưởng chủ nghĩa xét lại, hoạt động như con rối của nước ngoài" đã đi đến hồi kết."<sup>65</sup>

Các thế lực nước ngoài đề cập trong "Lịch sử Cục An ninh Quân đội" chính là Liên Xô. Lịch sử thật trớ trêu khi chính những thiết bị giám sát mà Stasi Đông Đức cung cấp như một hành động của tình đoàn kết [xã hội chủ nghĩa – NBT] cuối cùng lại được bộ máy an ninh Bắc Việt sử dụng để giám sát những Đảng viên bị tình nghi là làm việc cho Liên Xô của họ.

Hơn nữa, Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức đã đáp ứng mong muốn hiện đại hóa Bộ Công an của Trần Quốc Hoàn trong năm 1966 bằng cách thiết lập một kho lưu trữ thẻ căn cước công dân trung tâm và một danh mục thẻ đặc biệt cho những

---

<sup>65</sup> "Lịch sử Cục Bảo vệ An ninh Quân đội Nhân dân Việt Nam (1950 – 2000)" ("History of the Army Security Department, People's Army of Vietnam (1950-2000)") (Hà Nội i: People's Army Publishing House, 2003), <<http://www.quansu.vn/index.php?topic=3826.0>> (Accessed November 16, 2008). Tôi dựa vào bản dịch tài liệu này của Merle Pribbenow và cảm ơn sự hỗ trợ của ông.



người bị tình nghi. Trần Quốc Hoàn đề nghị đào tạo bí mật. Những đề nghị này được đáp ứng trong những năm sau đó. Không phải ngẫu nhiên mà trong bối cảnh này chính phủ Bắc Việt quyết định thành lập Cục Hồ sơ thuộc Bộ Công an vào tháng 2 năm 1968. Nhiệm vụ của bộ phận mới này rất đa dạng. Chủ yếu là nó phải lưu trữ tất cả các văn bản của Bộ, cũng như thu thập và phân tích các hồ sơ và tài liệu về "kẻ thù" và cung cấp thông tin cần thiết cho các bộ phận khác nhằm tiêu diệt "kẻ thù." Các phòng hồ sơ cũng được thành lập ở các cấp thấp hơn trong Bộ Công an. Theo lịch sử chính thức của Bộ, các cơ quan mới này đã đóng góp đáng kể vào việc theo dõi và đập tan những kẻ thù nội bộ.<sup>66</sup> Stasi đã giúp thành lập Cục Hồ sơ và giới thiệu các phương pháp lưu trữ mới để bảo vệ và tăng tốc quá trình xử lý thông tin an ninh tại Việt Nam.<sup>67</sup>

Tài liệu từ những chuyến thăm Việt Nam DCCCH của đoàn đại biểu Bộ An ninh Quốc gia và Bộ Nội vụ Đông Đức đã làm sáng tỏ thêm về những hoạt động nội bộ của bộ máy an ninh Bắc Việt và ưu tiên của họ. Trong một chuyến thăm Hà Nội vào năm 1970, đoàn đại biểu Bộ Nội vụ Đông Đức đã thu được một sự hiểu biết nhất định về tình hình an ninh tại thủ đô và một số tỉnh. Đặc biệt, nó thu được một tài liệu của Bộ Công an Bắc Việt cung cấp nhiều thông tin chi tiết và hấp dẫn về các hoạt động và kế hoạch của các cơ quan an ninh trong giai đoạn 1971-1975.<sup>68</sup> Theo tài liệu này, cuộc đấu tranh chống tội phạm đã được tăng cường bằng cách lưu danh bạ tất cả các "phần tử tội phạm," mở rộng số lượng thành viên không chính thức và ổn định mạng lưới đặc tình hiện có.<sup>69</sup>

Sự tồn tại của một mạng lưới đặc tình thuộc Bộ Công an và tương tự như IM (Inoffizieller Mitarbeiter – cộng tác viên thông tin - NBT) khét tiếng thuộc Stasi Đông Đức trước đây cũng được xác nhận trong một bài phát biểu đánh giá hoạt động của "đặc vụ" hay "đặc tình" của Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn vào năm 1967.

<sup>66</sup> Bộ Công An, Lịch sử xây dựng lực lượng công an nhân dân Việt Nam, Tập II (1954–1975), 149-150.

<sup>67</sup> BStU MfS Abt. X, 652. Note on a Meeting between high-level members of the MfS of the DRV and MfS of the GDR on Sept. 29, 1966, from 15:30 to 17:00 pm, October 5, 1966: 146, 149. BStU MfS Abt. X, 652. Scholz, Working group of the Minister to Head of Dept. X, Consultation with Representatives of the Democratic Republic of Vietnam on Issues of Registering, 25.4.1967: 498-506. Xem Nguyễn Thanh et al., eds., *Những Kỷ Niệm Sâu Sắc Về Bộ Trưởng Trần Quốc Hoàn*, 69.

<sup>68</sup> BStU MfS Abt. X 652, Accord of the Activities of a Delegation of the GDR Ministry of Interior in the Ministry of State Security [sic!] of the Democratic Republic of Vietnam, 21 Dec. 1970; Kminikowski, Annex 2: Transcript of excerpts from the plan of the Ministry of State Security [sic!] for the period from 1971 to 1975 (in the field of police): 696-702.

<sup>69</sup> BStU MfS Abt. X 652: 697. Các tài liệu của Đức sử dụng chữ viết tắt "GI" có nghĩa là "Geheimer Informator" [đặc tình bí mật] và kể từ cuối những năm 1960 nó được thay thế bằng chữ viết tắt khét tiếng "IM" [inoffizieller Mitarbeiter]. Xem Ralf Blum u.a., *Abkürzungsverzeichnis. Häufig verwendete Abkürzungen und Begriffe des Ministeriums der Staatssicherheit* (Berlin: BStU, 2009), 36.

Ông nhấn mạnh rằng các bộ máy an ninh cũng phải dựa vào quần chúng để ngăn chặn các phần tử phản cách mạng: "Nhận thức đầy đủ và hoàn chỉnh khái niệm này, chúng ta thấy cơ quan công an của ta có đủ các cơ cấu cần thiết và khả năng xây dựng một đội ngũ đặc tình rộng lớn gồm nhiều thành phần và nhiều tầng lớp khác nhau nhằm phát hiện và chống lại tất cả các mục tiêu phản cách mạng, đặc biệt là bọn điệp viên hoạt động bí mật."<sup>70</sup>

Những đoạn khác trong tài liệu nêu trên của Bộ Công an xác định những nhiệm vụ hành chính và trực tiếp liên quan đến đề nghị Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức giúp đỡ cơ quan an ninh Bắc Việt thiết lập một kho lưu trữ thẻ căn cước công dân trung tâm và một danh mục thẻ đặc biệt cho những người bị tình nghi trước đó của Trần Quốc Hoàn. Tài liệu này nhấn mạnh rằng 100% dân số sống trong lãnh thổ nước Việt Nam DCCCH phải được đăng ký,<sup>71</sup> cũng như tất cả các loại vũ khí, nhà in, chủ sở hữu máy đánh chữ, người khắc con dấu, và dược sĩ. Để tăng cường giám sát, phải thành lập một đội ngũ nhân viên không chính thức và những đặc tình giữa các nhóm người này.<sup>72</sup>

Tài liệu này cũng cho thấy một cuộc đấu tranh chống hiện tượng suy đồi ở Bắc Việt, "đặc biệt là trong số những người có nguồn gốc từ miền Nam Việt Nam."<sup>73</sup> Để hạn chế ảnh hưởng của "suy đồi văn hóa miền Nam Việt Nam" tới Việt Nam DCCCH, các tài liệu nói rằng "điều này cũng [cần thiết phải] đưa những người từ miền Nam Việt Nam vào các trại tập trung, giáo dục và cách ly họ khỏi những người khác."<sup>74</sup> Điều này rõ ràng báo trước các trại giáo dục cải tạo được thành lập sau khi chiến tranh kết thúc vào năm 1975 ở miền Nam.

Mong muốn bảo vệ xã hội miền Bắc Việt Nam khỏi những ảnh hưởng bên ngoài mà các nhà lãnh đạo ở Hà Nội coi là bất lợi cũng dẫn đến những xung đột nghiêm trọng với các đồng chí ở Đông Đức.

---

<sup>70</sup> Trần Quốc Hoàn, "Một số vấn đề về đấu tranh chống phản cách mạng Tối Mật (Chỉ Lưu Hành Nội Bộ Ngành Công An)" ("A Number of Issues Regarding The Struggle Against Counterrevolutionaries" (Top Secret) (For Internal Distribution within the Public Security Service Only)) (Hà Nội: Viện Nghiên Cứu Khoa Học Công An, December 1975), 319, 323-324.

<sup>71</sup> BStU MfS Abt. X 652: 700.

<sup>72</sup> BStU MfS Abt. X 652: 701.

<sup>73</sup> BStU MfS Abt. X 652: 698.

<sup>74</sup> BStU MfS Abt. X 652: 698.

## "Ngờ vực"

Trong một bài phát biểu trước các cán bộ an ninh vào năm 1971, Trần Quốc Hoàn giải thích về các nhóm tiềm ẩn nguy cơ cần giám sát chặt chẽ. Theo Bộ trưởng Bộ Công an, du học sinh tạo nên một trong các nhóm đó:

Trong số những du học sinh đã trở về nước có những kỹ sư, bác sĩ, và các nhà khoa học. Một số bị cám dỗ hoặc bị mua chuộc để trở thành tay sai của địch, nhưng thay vì hoạt động ngay lập tức, chúng nằm im trong một thời gian dài rồi cuối cùng sau mười lăm hay hai mươi năm, chúng bắt đầu hoạt động.<sup>75</sup>

Chính những trường hợp sinh viên Việt Nam từng du học tại Đông Đức đã khiến mối quan hệ khá thân mật giữa các cơ quan an ninh miền Bắc Việt Nam và Đông Đức trở nên căng thẳng.<sup>76</sup>

Các sinh viên từ miền Bắc Việt Nam đầu tiên đã đến Đông Đức vào giữa những năm 1950. Như đã đề cập trước đây, trong năm 1964 Hà Nội đưa ra cái gọi là "chiến dịch chống lại chủ nghĩa xét lại hiện đại" mà chủ yếu là nhằm vào Liên Xô, nhưng các nước xã hội chủ nghĩa khác ở Trung và Đông Âu, bao gồm cả Đông Đức, cũng là một phần của chiến dịch. Trong chiến dịch, tất cả sinh viên Việt Nam đang học tập tại các quốc gia "xét lại" này được lệnh trở về nhà để tham gia các khóa giáo dục cải tạo. Tuy nhiên, khoảng hai mươi sinh viên Việt Nam ở Đông Đức đã từ chối làm như vậy bởi trước đó họ đã chỉ trích đường lối lãnh đạo quân sự của Lê Duẩn ở Hà Nội và vì thế sợ bị trả thù nếu họ về nước. Trường hợp của họ trở thành mối bất hòa liên tục giữa đại sứ quán Việt Nam tại Đông Berlin và chính quyền Đông Đức nói chung, Bộ An ninh Quốc gia nói riêng.

Do đó, trong năm 1967, trong cuộc họp đầu tiên với Bộ trưởng An ninh Quốc gia Erich Mielke, Nguyễn Việt Dũng, đại sứ Bắc Việt mới ở Đông Đức, đầu tiên đã cảm ơn Erich vì những "viện trợ anh em" của những người đồng chí Đông Đức dành cho Việt Nam. Sau những từ ngữ lịch sự, ông đưa ra lý do thực sự của chuyến thăm: số phận của những sinh viên Việt Nam từ chối về nước năm 1964. Đại sứ Việt Nam liên tục nhấn mạnh rằng Bộ An ninh Quốc gia cần giúp đỡ tìm

<sup>75</sup> Trần Quốc Hoàn, "Một số ý kiến của đồng chí Bộ trưởng về một số vấn đề cơ bản khi tổng kết công tác chuyên án (Nói trong buổi làm việc với Ban tổng kết chuyên án năm 1971)" ("A Few Opinions Expressed by the Minister on Several Basic Issues During the General Review of the Handling of Cases (Spoken during a Discussion with the Committee to Review the Handling of Cases in 1971)"), in Trần Quốc Hoàn, *Một số vấn đề đấu tranh chống phản cách mạng. Tội Mật (Chỉ Lưu Hành Nội Bộ Ngành Công An)* (A Number of Issues Regarding The Struggle Against Counterrevolutionaries. Top Secret [For Internal Distribution within the Public Security Service Only]) (Hà Nội: Viện Nghiên Cứu Khoa Học Công An, December 1975), 370. Xem Nguyen. *Hanoi's War, 197-198*.

<sup>76</sup> Về câu chuyện này, xem Grossheim, "Revisionism in the Democratic Republic of Vietnam."

kiểm những sinh viên này và gửi họ trở lại Việt Nam.<sup>77</sup> Mielke tuyên bố rằng ông không biết gì về nơi ở của các sinh viên Việt Nam, mặc dù ông hứa sẽ liên lạc với Bộ Ngoại giao về vấn đề này. Ông cũng nhấn mạnh một vấn đề nguyên tắc của Bộ An ninh Quốc gia là không can thiệp với công dân của các nước bạn.

Đây là một lời nói dối trắng trợn. Stasi vẫn thường xuyên theo dõi các sinh viên Việt Nam và vì thế ngay từ đầu đã nhận thức rõ rằng một số sinh viên Việt Nam đã chỉ trích chiến dịch quân sự của phe Lê Duẩn ở Hà Nội và do đó sợ trở về miền Bắc Việt Nam. Năm 1964, nó thậm chí còn giúp một số người bất đồng chính kiến Việt Nam ẩn náu và sau đó tuyển dụng một số sinh viên làm đặc tình.<sup>78</sup> Trong khi những lời lẽ công kích chống lại "chủ nghĩa xét lại hiện đại" dừng lại sau sự bùng nổ chiến tranh (tức việc Mỹ ném bom miền Bắc – NBT) và truyền thông nhà nước Việt Nam DCCH bắt đầu ca ngợi tình đoàn kết quốc tế của các nước xã hội chủ nghĩa như Đông Đức, các nhà lãnh đạo ở Hà Nội vẫn duy trì một mối ngờ vực sâu sắc với xã hội Đông Đức và cố gắng giảm bớt những gì họ cho là tác dụng phụ của việc giao lưu văn hóa với các nước từng bị phân loại là "xét lại" trong năm 1964. Thực tế, Việt Nam DCCH vẫn bí mật lên án Đông Đức là "xét lại."

Vì vậy, Cục 20 Stasi phụ trách các vấn đề nhà nước, văn hóa, nhà thờ, hoạt động ngầm và theo dõi sinh viên nước ngoài, nhận được thông tin rằng trong các khóa học mùa hè năm 1966, Đại sứ quán Việt Nam đã lên án đường lối chính trị của Đảng Thống nhất Xã hội chủ nghĩa Đông Đức là "xét lại" và Đại hội Đảng lần thứ 6 của Đông Đức là "đỉnh cao của chủ nghĩa xét lại."<sup>79</sup> Các sinh viên được cảnh báo rằng cuộc sống ở Đông Đức là "tư sản, như trong chủ nghĩa tư bản."<sup>80</sup> Ngược lại, ở Việt Nam là "cách mạng thực sự." Nếu chấp nhận cách sống của người Đông Đức, họ sẽ "phản bội lại cách mạng."<sup>81</sup> Nhằm ngăn chặn việc sinh viên Việt Nam bị ảnh hưởng bởi lối sống "tư sản" này, họ được hướng dẫn chi tiết về cách ứng xử

---

<sup>77</sup> BStU MfS Abt. X, 652. Note on the Reception of the Ambassador of the Democratic Republic of Vietnam in Berlin Nguyen Viet Dung on 31 Jan. 1967 from 2:00 to 3:00 pm in the Ministry of State Security by Comrade Minister Mielke, 7.2.1967: 167-180.

<sup>78</sup> Ví dụ, xem, BStU MfS Außenstelle Potsdam, 943/68. Abteilung XX/1, Potsdam, den 1.6.1964, Report, Golombek (Sublieutenant): 18-20; BStU MfS Abt. X 339: 38-39, Abt. X, Lieutenant-colonel Damm, Head Dpt.. X, 2. Juli 1964, Note; BStU MfS Außenstelle Potsdam, 943/68, Abteilung XX/1, Report on making contact with the Vietnamese student . . . . , 2.12.1963, Potsdam, 14 Febr. 1966, Leutnant Puls: 21-22; BStU MfS Branch office , 943/68, Abteilung XX/1, Meeting with KP [=contact person]..... on 3 May .66 – 8 am in room Zi. 81 – DEFA [=German Film], Potsdam, den 9.5.1966: 40-42.

<sup>79</sup> PA MfAA, C 865/72, Information on the behavior of Vietnamese students at the Karl Marx University Dresden and the Technical University Dresden, 17 September 1966, 27–28. See also BStU MfS Abt. X SA 339: 17–19.

<sup>80</sup> BStU MfS Abt. X, 562, Transcript. Report on a Meeting with the Vietnamese student [name blackened out] (German studies) on 18 January 1967, signed 'Hermann', 19 January 1967: 579.

<sup>81</sup> Như trên.

trong khi cư trú tại Đông Đức. Theo một danh sách gồm khoảng năm mươi hướng dẫn chi tiết mà Stasi nhận được từ một trong những đặc tình người Việt, các sinh viên Việt Nam được hướng dẫn tránh tiếp xúc cá nhân với người Đức, không chấp nhận những lời mời riêng tư, không bàn về chính trị, không xem những bộ phim "không nghiêm túc" của các nước tư bản và xã hội chủ nghĩa, thường xuyên thực hiện tự phê bình, không tham dự các khóa học về chủ nghĩa Mác-Lênin ở các trường đại học Đông Đức, cuối cùng là tránh tiếp xúc với "các nhóm sinh viên xét lại."<sup>82</sup> Sinh viên nào không làm theo hướng dẫn sẽ phải nhận hậu quả nghiêm trọng: bị ghi nhận xét tiêu cực trong hồ sơ cá nhân và chế tài nặng nhất là họ có thể bị gửi trả về Việt Nam.

Những hướng dẫn này được duy trì ít nhất là cho đến cuối những năm 1960. Ví dụ, văn phòng địa phương của Stasi tại Freital gần Dresden báo cáo rằng năm 1969 một nhân viên đại sứ quán Việt Nam đã đến khảo sát tình hình các học viên Việt Nam đang nghiên cứu khai thác mỏ. Ông đã tổ chức một số cuộc họp dài và hướng dẫn học sinh cách cư xử: họ không được xem truyền hình Đức, nghe đài phát thanh Đức, đọc báo tiếng Đức, hoặc nghe nhạc Đức.<sup>83</sup> Như một biện pháp thực thi kỷ luật đầu tiên, nhà ngoại giao Việt Nam này đã cắt tóc các học viên Việt Nam bởi trong mắt ông, chúng đã quá dài. Ông đe dọa các sinh viên rằng ông sẽ tiếp tục cắt tóc của họ trong tương lai và khuyên họ không nên mặc "quần áo hiện đại," thay vào đó họ nên ăn mặc theo phong cách đơn giản. Trong con mắt của các cán bộ Việt Nam, mái tóc dài và quần áo thời trang, chẳng hạn như quần ống loe, phản ánh ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản và thậm chí tệ hơn là ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại.

Trên thực tế, phân tích về các lực lượng phá hoại của văn hóa suy đồi phương Tây, chẳng hạn như trong các hướng dẫn được Stasi trích dẫn ở trên, có thể được tìm thấy không chỉ ở tài liệu đào tạo của Đại sứ quán Việt Nam tại Đông Đức, mà còn trong các đánh giá của Bộ Công an và Bộ Văn hóa Bắc Việt. Hơn nữa, cả Bắc Việt và Đông Đức đều tin vào thuyết âm mưu và tuyên bố rằng phương Tây đã sử dụng các phương tiện tâm lý nhằm phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa. Bắc Việt cảnh báo chống lại "diễn biến hoà bình," trong khi Đông Đức chống lại "chuyển hướng chính trị-tư tưởng." Trớ trêu thay, cả hai đều chiến đấu trên cùng một mặt

---

<sup>82</sup> Xem như trên., BSTU MfS Abt. X, 562, Hauptabteilung XX/3/III, Information on the Situation among the Vietnamese students and postgraduate students in the GDR, 17 December 1966, Leutnant Schwanz, 570, and especially BSTU MfS Abt. X, 562, Transcription, Report: Situation among the Vietnamese students, n.d. 'Adler': 580–587. This Stasi file contains a detailed summary of the instructions: 584–587.

<sup>83</sup> BSTU MfS Abt. X, 562, Abschrift Kreisdienststelle Freital, 30 April 1969: 566–67.



trận nhưng lại đối đầu với nhau, như tôi đã trình bày ở trên.<sup>84</sup> Nói cách khác, mối quan hệ giữa Đông Đức và Việt Nam DCCH chính thức được đánh giá là gần gũi và thân thiện, nhưng dưới lớp vỏ đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chung chống lại "chủ nghĩa đế quốc Mỹ" lại là sự mất lòng tin.

Cuối những năm 1960, Đại sứ quán Việt Nam tiếp tục tố cáo các sinh viên bất đồng chính kiến là "kẻ phản bội" và "nhóm xét lại," và nhiều lần yêu cầu chính quyền Đông Đức gửi họ lại cho Việt Nam DCCH. Các nhà ngoại giao Việt Nam cho rằng, bất chấp tất cả những nỗ lực của Đại sứ quán Bắc Việt trong nhiều năm, các sinh viên vẫn tiếp tục mắc kẹt vào "những quan điểm chính trị lệch lạc" và do đó không còn cách nào khác ngoài việc tiếp tục "quá trình giáo dục" của họ ở Việt Nam DCCH.<sup>85</sup> Những sinh viên Việt Nam bất đồng chính kiến ngày càng lo lắng về tình trạng pháp lý bất ổn của họ, vì vậy mà một số đã viết thư cho các cơ quan cấp bộ của Đông Đức và xin nhập quốc tịch Đức, trong khi những người khác cố gắng chạy trốn sang Tây Đức.<sup>86</sup> Cuối cùng, chính quyền Đông Đức đã không tuân theo đề nghị của các nhà ngoại giao Bắc Việt và trong năm 1969, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Đông Đức đã chính thức đề nghị gia hạn giấy phép cư trú cho một số "công dân Việt Nam" xin tị nạn chính trị.<sup>87</sup>

<sup>84</sup> Thuật ngữ "chuyển hướng chính trị-tư tưởng" lần đầu tiên được Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức đưa ra vào năm 1958. Stasi hiểu "chuyển hướng chính trị-tư tưởng" như một chiến lược tinh vi và chủ yếu là hòa bình của phương Tây nhằm gây bất ổn cho thế giới cộng sản. Xem định nghĩa trong Roger Engelmann et al., eds., *Das MfS-Lexikon. Begriffe, Personen und Strukturen* (Berlin: Ch. Links, 2012), 72; và Siegfried Suckut, ed., *Das Wörterbuch der Staatssicherheit. Definitionen zur "politisch-operativen Arbeit"* (Berlin: Ch. Links, 1996), 303-304. Lý thuyết về "điểm biến hoà bình" được xây dựng lần đầu bởi Ngoại trưởng John Foster Dulles, ông lập luận rằng phương Tây nên thực hiện theo một chiến lược chinh phục hòa bình và bắt đầu thay đổi nội bộ Liên Xô bằng cách hỗ trợ các hình thức đổi lập trong nước xã hội chủ nghĩa, lật đổ văn hóa và lan truyền thông tin. Xem Qiang Zhai, "1959: Preventing Peaceful Evolution," *Cold War International History Project Bulletin* 6/7 (Winter 1995): 227-30.

<sup>85</sup> PA MfAA/C 865/72: 32-33, Information on a Talk with the Second Secretary of the Embassy of the Democratic Republic of Vietnam, Comrade Pham Hao, in the State Secretariat for Universities and Technical Colleges on 24 Oct. 1966, Dr. Joachimi; MfAA/C 865/72: 91-93, Ministry Ministerium for Universities and Technical Colleges. Main Dept. International Relations. 25 April 1969, Note on incidents concerning the Vietnamese student . . . , Garz; DO1/11491. Minutes of a Talk between Colonel of the People's Police Schmalfuß and the First Secretary of the Embassy of the DRV, Comrade Tin, on Sept. 24, 1968, 9:00 AM, Berlin, Sept. 25, 1968. Trong nguồn cuối cùng, một nhà ngoại giao Việt Nam cho rằng một nhóm 40 sinh viên Việt Nam và ba sĩ quan đã quyết định ở lại Liên Xô.

<sup>86</sup> BStU MfS Abt.X 339. Regional office for State Security Dresden AIG (Department for Analysis and Information), Head of AIG, Seidel, to Ministry of State Security, Dresden, 21 Nov. 1966: 17-20. Assessment of the Vietnamese students at the Technical University Dresden, Request of Comrade Lt.-Col. Irmeler by phone; BStU MfS Abt. X, 339. Copy, Letter of Vietnamese students to GDR Minister of Interior, Leipzig, 27 Jan. 1969: 9-15

<sup>87</sup> PA MfAA/C 865/72, 94-95, Ministry of Foreign Relations to Minister of Interior and Head of the German People's Police Dickel, 28 April 1969, Winzer.

## Hỗ trợ của Stasi sau chiến tranh Việt Nam

Đại sứ quán Bắc Việt vẫn cố gắng buộc các du học sinh "xét lại" về nhà, nhưng sau đó đã phải bỏ cuộc. Sau đó, họ có vẻ không còn quan tâm đến toàn bộ vấn đề. Tuy nhiên, các sự kiện sau đó cho thấy rằng Đại sứ quán Bắc Việt vẫn không quên và chắc chắn không "tha thứ" cho hai mươi sinh viên xin tị nạn chính trị ở Đông Đức trong những năm 1960.

Năm 1983, Stasi nhận ra một số người Việt Nam đã được cấp giấy phép cư trú vĩnh viễn và quốc tịch Đông Đức đang quản lý các công nhân lao động hợp đồng của Việt Nam. Đại sứ quán Bắc Việt cho rằng đây là một vấn đề trong mối quan hệ tốt đẹp với Đông Đức và do đó yêu cầu phía Đông Đức tìm kiếm một "giải pháp." Lần này, chính quyền Đông Đức đã cố gắng hết sức để làm hài lòng Đại sứ quán Việt Nam. Trong khi đó, Bộ An ninh Quốc gia đã phát triển mối quan hệ bền chặt hơn với Bộ Nội vụ Việt Nam và được giao nhiệm vụ dần dần "cách ly các công dân Đông Đức từ Việt Nam" khỏi các công nhân lao động hợp đồng của Việt Nam. Họ làm vậy để làm hài lòng những người đồng nghiệp Việt Nam của họ. Những người Việt Nam với hộ chiếu Đông Đức bị mất việc.<sup>88</sup>

Sự hỗ trợ của Stasi Đông Đức cho những người đồng nghiệp Việt Nam trong trường hợp này cho thấy mối quan hệ giữa hai bên đã được cải thiện sau khi chiến tranh kết thúc vào năm 1975 và thống nhất đất nước vào năm 1976 khi bộ máy an ninh phải đối mặt với những thách thức mới. Ngày 19 tháng 4 năm 1975, ít ngày trước khi chiến tranh kết thúc, Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành một Nghị quyết chính trị về "quân đội bù nhìn, chính phủ bù nhìn, và cuộc đấu tranh phản cách mạng."<sup>89</sup> Nghị quyết này phản ánh mối quan tâm liên tục của Đảng lãnh đạo ở Hà Nội trong việc loại bỏ bất kỳ kẻ thù nội bộ nào và có biện pháp chuẩn bị trước khi chính phủ Việt Nam Cộng hòa được dự tính sẽ sụp đổ. Ngày 22 tháng 6 năm 1975, Văn phòng Trung ương Cục miền Nam đã ban hành một nghị quyết cụ thể hơn về việc đàn áp các phần tử phản cách mạng ở miền Nam Việt Nam.<sup>90</sup>

Từ tháng 5 năm 1975 đến cuối năm 1976, Bộ Nội vụ, hợp nhất từ Bộ Công an và Bộ Nội vụ trước đây, đã gửi khoảng 10.000 cán bộ an ninh vào miền Nam để củng cố quyền lực của Đảng trên lãnh thổ cũ của Việt Nam Cộng hòa.<sup>91</sup> Một trong những biện pháp quan trọng nhất của bộ máy an ninh Cộng sản là đăng ký dân số

<sup>88</sup> Về toàn bộ sự việc, xem Michael Feige, *Vietnamesische Studenten und Arbeiter in der DDR und ihre Beobachtung durch das MfS* (Magdeburg: Sachbeiträge, Landesbeauftragte für die Unterlagen des Staatssicherheitsdienstes der ehemaligen DDR Sachsen-Anhalt, 1999), 22-25. See BStU MfS Abt. X SA 339, Bl.3, Bl.6, and BStU MfS, BVfS Leipzig, Leitung 1037: 47-49, 51-52.

<sup>89</sup> Bộ Công An, *65 năm Công an Nhân dân Việt Nam*, 341.

<sup>90</sup> Bộ Công An, *65 năm Công an Nhân dân Việt Nam*, 341-342.

<sup>91</sup> Bộ Công An, *65 năm Công an Nhân dân Việt Nam*, 343.

miền Nam Việt Nam và gửi những người đã từng làm việc cho "chính phủ bù nhìn" hoặc phục vụ trong "quân đội bù nhìn" vào các trại giáo dục cải tạo.<sup>92</sup> "Hỗ trợ anh em" do Stasi Đông Đức cung cấp trong thời kỳ hậu chiến tranh là công cụ giúp các nhà lãnh đạo ở Hà Nội củng cố quyền lực của mình ở phía Nam.

Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức đã cung cấp cho cơ quan an ninh Việt Nam một tổng đài điện thoại tự động 1.500 số và đầy đủ thiết bị để mỗi cơ quan công an thành phố và cấp tỉnh ở Việt Nam đều có một tổng đài điện thoại riêng và một mạng điện thoại tự động.<sup>93</sup> Sau khi chiến tranh kết thúc, Đông Đức không chỉ tăng cường "đào tạo cán bộ [Việt Nam], cung cấp trang thiết bị cho các hoạt động công việc, hỗ trợ và hợp tác trong cuộc chiến chống lại "đặc vụ thù địch" và các hoạt động phá hoại lật đổ, bảo vệ sân bay và bến cảng, kiểm soát hộ chiếu."<sup>94</sup> Tháng 11 năm 1977, một phái đoàn cấp cao của Bộ Nội vụ Việt Nam đã tới thăm Đông Đức. Trong bối cảnh tình hình bất ổn ở miền Nam Việt Nam với nhiều người thất nghiệp, rất nhiều cán bộ công chức và binh lính của chế độ Sài Gòn cũ vẫn đang được giáo dục cải tạo và nhiều người trong số họ phản đối các nhà lãnh đạo mới từ miền Bắc, lãnh đạo của phái đoàn Việt Nam đã đề nghị Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức chia sẻ "kinh nghiệm chiến đấu chống lại các ảnh hưởng thù địch từ phương tiện truyền thông đại chúng của chủ nghĩa đế quốc và các phương pháp cụ thể mà Bộ An ninh Quốc gia sử dụng... luật hình sự sử dụng để chống lại dòng tư tưởng-chính trị lệch lạc giữa các nghệ sĩ, sinh viên, bác sĩ và hình thức chế tài cũng như phương pháp ngăn chặn những ảnh hưởng thù địch."<sup>95</sup>

Ít năm sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, sự hợp tác giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức cũng như các cơ quan an ninh khác của khối xã hội chủ nghĩa mà Moscow dẫn đầu đã được nâng lên ở một cấp độ chính thức hơn. Trong tháng 10 năm 1980, hai bên Việt Nam và Đông Đức đã ký một thỏa thuận hợp tác chính thức. Họ đồng ý trao đổi thông tin về kẻ thù, hỗ trợ lẫn nhau "trong cuộc đấu tranh chống lại các hoạt động thù địch của cơ quan an ninh các quốc gia theo chủ nghĩa đế quốc," và gửi một sĩ quan liên lạc tới đại sứ quán của mình. Cũng trong tháng đó, Bộ Nội vụ Việt Nam đã ký một thỏa thuận

<sup>92</sup> Bộ Công An, *65 năm Công an Nhân dân Việt Nam*, 344-345.

<sup>93</sup> Xem Bộ Công An. Bùi Anh Tuấn, ed., *Đồng chí Trần Quốc Hoàn với Công an nhân dân Việt Nam, Chỉ lưu hành nội bộ* (Comrade Tran Quoc Hoan and People's Public Security of Vietnam. Internal Distribution Only) (Hà Nội: NXB Công An Nhân Dân, 2004), 163; MfS Abt. X 345. SRV, Ministry of Interior, Hà Nội, 10.5.1977, Tran Quoc Hoan to Erich Mielke: 27-30.

<sup>94</sup> MfS Abt. X 345. 19.1.1976, Damm: 285, Proposal to send a delegation of the Ministry of State Security to the Democratic Republic of Vietnam (approved by Mielke).

<sup>95</sup> MfS Abt. X, 340. HA XVIII, Berlin, Nov. 8, 1977. Meeting of a delegation of the Ministry of Interior of the SR of Vietnam and representatives of the departments XVIII [protection of the national economy] and XX [state institutions, culture, church, underground] in the Ministry for State Security from Oct. 18 to November 7, 1977: 162.

hợp tác với Liên Xô, được bổ sung bởi một thỏa thuận hợp tác với KGB trong tháng sau đó. Không chỉ thế, trong tháng 12 năm 1980, Việt Nam còn đồng ý ký một thỏa thuận hợp tác chính thức với Bộ Nội vụ Tiệp Khắc.<sup>96</sup>

Trong năm 1984, các cơ quan an ninh Việt Nam gia nhập hệ thống chia sẻ dữ liệu SOUD có chứa thông tin về hơn 188.000 người bị coi là "mối đe dọa tiềm ẩn."<sup>97</sup> Cơ sở dữ liệu chung ràng buộc KGB với các cơ quan tình báo của Bulgaria, Tiệp Khắc, Đông Đức, Cuba, Mông Cổ, Ba Lan, và Hungary được thiết lập vào năm 1977 để đối phó các mối đe dọa của sự "chuyển hướng chính trị-tư tưởng" tăng cường và ngăn chặn tác dụng phụ tiêu cực của chính sách hòa dịu (détente). Năm 1987, cơ sở dữ liệu SOUD đã chứa thông tin về hơn 188.000 người bị coi là "mối đe dọa tiềm ẩn."<sup>98</sup>

Việc gia nhập hệ thống chia sẻ dữ liệu SOUD là một bước tiến tới sự hội nhập của bộ máy an ninh Việt Nam vào mạng lưới các cơ quan an ninh khối xã hội chủ nghĩa vốn đã được thể chế hoá bằng việc ký kết các thỏa thuận hợp tác quốc tế trong năm 1980. Do đó, trong những năm 1980, nhiều đại diện của Bộ Nội vụ Việt Nam đã tham dự các hội nghị của khối xã hội chủ nghĩa về các vấn đề an ninh, nơi mà những kinh nghiệm trong phản gián và trong cuộc chiến chống "chuyển hướng chính trị-tư tưởng" bắt đầu từ "các nước đế quốc và bè lũ phản động quốc tế."<sup>99</sup>

Trong thỏa thuận hợp tác năm 1980, Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức đã cam kết tiếp tục hỗ trợ cho Bộ Nội vụ Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực thiết bị truyền thông và thiết bị tác chiến.<sup>100</sup> Và đây là những gì đã xảy ra: và Cục Tác chiến Kỹ thuật và Truyền thông của Stasi đã cung cấp thiết bị và đào tạo các chuyên gia Việt

<sup>96</sup> Bộ Công An. Tổng Cục Xây Dựng Lực Lượng Công An Nhân Dân Việt Nam (Ministry of Public Security. General Department of Building up the Forces of the People's Public Security of Vietnam), *Lịch sử Công An Nhân Dân Việt Nam (1975–1996) (Sơ thảo)* (History of the People's Public Security of Vietnam, 1975–1996, [Draft]) (Hanoi: Công An Nhân Dân, 2011), 156-157. Theo một tài liệu lịch sử chính thức khác, Bộ Nội vụ Việt Nam cũng đã ký hiệp ước hợp tác với Cuba và Hungary. Không có thông tin về thời gian chính xác, nhưng có lẽ cũng là trong năm 1980. Xem Phạm Văn Quyền et al., eds., *Bộ Công An. 60 năm Công An Nhân Dân Việt Nam*, 522-523. Về hợp tác chi tiết với KGB, xem Phạm Văn Quyền et al., eds., *Bộ Công An. 60 năm Công An Nhân Dân Việt Nam*, 522-523.

<sup>97</sup> Bodo Wegmann and Monika Tanzscher, *SOUD – Das geheimdienstliche Datennetz des östlichen Bündnissystems* (Berlin: Der Bundesbeauftragte für die Unterlagen des Staatssicherheitsdienstes der ehemaligen Deutschen Demokratischen Republik, Abteilung Bildung und Forschung, 1996). Về cơ sở dữ liệu của SOUD, xem John C. Schmeidel, *Stasi: Shield and Sword of the Party* (New York: Routledge, 2008), 115-118.

<sup>98</sup> Xem Wegmann and Tanzscher, *SOUD*, 33.

<sup>99</sup> Phạm Văn Quyền et al., eds., *Bộ Công An. 60 năm Công An Nhân Dân Việt Nam*, 522.

<sup>100</sup> MfS – BdL 008724. Agreement on Cooperation between the Ministry for State Security of the GDR and the Ministry of Interior of the Socialist Republic of Vietnam, Oct. 28, 1980, 1-9. Xem *Bộ Công An, Lịch sử Công An Nhân Dân Việt Nam (1975–1996)*, 157.

Nam cho đến những ngày cuối cùng của Cộng hòa Dân chủ Đức.<sup>101</sup> Các cơ quan an ninh Đông Đức đã thường xuyên giúp đỡ bộ máy an ninh Việt Nam xây dựng năng lực thể chế từ giữa những năm 1960 trở đi.

Tháng 1 năm 1989, sĩ quan liên lạc của Stasi ở Hà Nội đã báo cáo về trụ sở rằng những người đồng nghiệp Việt Nam đã đề cập đến việc hai bên đã hợp tác cùng nhau trong suốt 25 năm và nhấn mạnh nhu cầu hợp tác trong tương lai.<sup>102</sup> Tuy nhiên, như chúng ta biết, điều đó đã không bao giờ trở thành hiện thực: ngày 9 tháng 11 năm 1989, Bức tường Berlin sụp đổ, năm 1990 nước Đức thống nhất, và Stasi khét tiếng giải thể.

## Kết luận

Sự hỗ trợ mà Bộ An ninh Quốc gia cung cấp từ cuối năm 1965 cho đến tận những ngày cuối cùng của Đông Đức đóng vai trò quan trọng trong việc hiện đại hóa bộ máy an ninh Bắc Việt. Bên cạnh việc cung cấp các thiết bị giám sát hiện đại, Đông Đức cũng giúp bộ máy an ninh Việt Nam xây dựng năng lực thể chế và góp phần làm cho Bộ Công an trở thành một công cụ mạnh mẽ trong việc kiểm soát xã hội. Stasi đã hướng dẫn các cán bộ công an Việt Nam làm thế nào để duy trì hồ sơ của những người bị tình nghi và không đáng tin cậy cũng như sử dụng đặc tình không chính thức để giám sát dân chúng. Do đó sự hỗ trợ của Đông Đức đã cho phép những người đồng chí Việt Nam của họ tự trang bị cho mình các kỹ thuật đàn áp nội bộ. Ngoài ra, Stasi còn cung cấp công cụ phát thanh và viễn thông hiện đại, giúp kết nối Bộ Công an tại Hà Nội với cơ quan an ninh địa phương ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam trước năm 1975 và sau chiến tranh trên cả nước Việt Nam thống nhất. Bằng cách gửi các thiết bị giám sát công nghệ cao đến Việt Nam và đào tạo các cán bộ tại Hà Nội để sử dụng chúng hiệu quả, Stasi Đông Đức đã giúp Bộ Công an Việt Nam theo dõi những kẻ thù nội bộ và bên ngoài và thực hiện được những công tác nghiệp vụ có tác động lớn đối với cuộc đấu tranh ở miền Nam Việt Nam.

Ở mức độ tổng quát, sự hợp tác giữa Bộ An ninh Quốc gia Đông Đức và bộ máy an ninh Việt Nam là một ví dụ về những mối liên kết được hình thành giữa cơ quan mật vụ của một nước nhỏ trong Chiến tranh Lạnh và các cơ quan an ninh mới được thành lập tại các quốc gia hậu thuộc địa. Mặc dù hiện nay sự hỗ trợ của Đông

---

<sup>101</sup> Ví dụ, xem MfS Abt. X 346. Abteilung X. Report on an official trip to the SRV from 30 May to 8 June 1981, 13.6.1981: 182-189, Albrecht; MfS Abt. X, 346. Mielke an Pham Hung, MdI, 3.1.1985: 347-348; MfS OTS 1775, List of Shipments of the OTS to the Ministry of Interior of the SR of VN from 1976 to 1983, 17f.

<sup>102</sup> MfS Abt. X 348. Liaisons office of the MfS at the MdI of the SRV to MfS, Dpt. 10 X, Comrade Damm, 28. Jan. 1989, H. Knabe: 77-79.



Đức, được nhắc đến như là tình đoàn kết quốc tế chống chủ nghĩa đế quốc, được ca ngợi trong các bài viết của các cán bộ an ninh Việt Nam đã nghỉ hưu, các "tác dụng phụ" của mối quan hệ chặt chẽ với Đông Đức, chẳng hạn như "mâu thuẫn" của sinh viên và cán bộ Việt Nam với xã hội Đông Đức cởi mở hơn, trong thực tế đã gây nhiều tranh cãi. Việc tiếp cận các tài liệu về sự hợp tác của bộ máy an ninh Việt Nam với các cơ quan an ninh xã hội chủ nghĩa khác ở Liên Xô, Hungary, Ba Lan, và Tiệp Khắc sẽ cho thấy một cái nhìn sâu hơn về việc phân công lao động trong phe Xã hội chủ nghĩa đã hoạt động như thế nào.

### Từ viết tắt:

**Abt. X** Abteilung X (Cục X phụ trách Quan hệ Quốc tế thuộc Bộ An ninh Quốc gia CHDC Đức)

**MfAA** Ministerium für Auswärtige Angelegenheiten (Bộ Ngoại giao CHDC Đức)

**MfS** Ministerium für Staatssicherheit (Bộ An ninh Quốc gia, thường được gọi là "Stasi")

**OTS** Operativ-Technischer Sektor (Bộ phận Kỹ thuật Nghiệp vụ thuộc Bộ An ninh Quốc gia CHDC Đức)

### Các nguồn tư liệu:

**BStU** Der Bundesbeauftragte für die Unterlagen des Staatssicherheitsdienstes der Ehemaligen Deutschen Demokratischen Republik (Ủy viên Liên bang phụ trách các hồ sơ cơ quan an ninh nhà nước của CHDC Đức cũ).

**PA MfAA** Politisches Archiv des Auswärtigen Amtes, Ministerium für Auswärtige Angelegenheiten (Tư liệu Chính trị của Bộ Ngoại giao CHDC Đức).

**SAPMO-BArch** Stiftung Archiv der Parteien und Massenorganisationen der DDR im Bundesarchiv (Quỹ tư liệu về các tổ chức đảng và quần chúng của CHDC Đức trong Kho lưu trữ Liên bang).

**Martin Grossheim** là giáo sư thỉnh giảng tại Bộ môn Nghiên cứu Đông Nam Á thuộc Đại học Passau, Đức. Lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy của ông bao gồm lịch sử Việt Nam hiện đại, lịch sử Chiến tranh Lạnh, các nghiên cứu và ký ức về tình báo. Ông từng là phó giáo sư khách mời tại Đại học Ngoại ngữ Tokyo và Đại học Humboldt Berlin; nghiên cứu sinh sau tiến sĩ tại Trung tâm nghiên cứu Đông và

Đông Nam Á thuộc Đại học Lund, Thụy Điển; và là nghiên cứu viên của Friedrich-Naumann-Foundation. Các ấn phẩm của ông đã xuất bản trên *Journal of Vietnamese Studies* (*Tạp chí Nghiên cứu Việt Nam*), *Cold War History* (*Lịch sử Chiến tranh Lạnh*), và *Jahrbuch für Politik und Geschichte* (*Niên giám Chính trị và Lịch sử*). Ông là nghiên cứu viên tại Wilson Center năm 2013-2014.

---

## **GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET**

---

### **Mục đích**

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### **Lý do ra đời**

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com)

---